

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 465 – Chúa nhật 24.09.2023

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.congiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

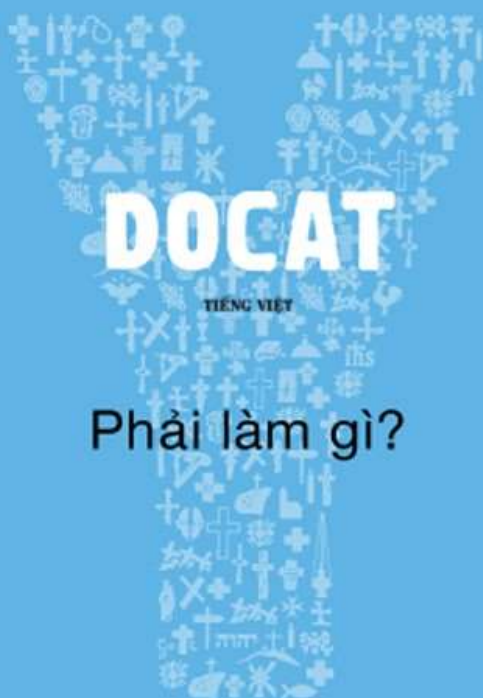
Nghề Nghiệp và Ơn Gọi: Lao Động của Con Người	Chương 6 - DoCat
CHÚA KÊU GỌI MỌI NGƯỜI CỘNG TÁC VỚI NGƯỜI (CHÚA NHẬT XXV MÙA THƯỜNG NIÊN – NĂM A.....	Lm Giuse Vũ Thái Hòa, Gs Phụng Vụ
CÔNG CỤ CỦA LỜI	Lm Minh Anh, TGP Huế
5 CÂU HỎI CHO MỘT BÀI GIẢNG LỄ TỐT.....	Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền, OSB.
Bập bênh trên sông bao la... rằm trung thu, nhớ Lm - nhạc sĩ Phương Linh.....Francis Assisi Lê Đình Bảng
TÌNH YÊU LÀ QUAN TÂM, LÀ NÂNG ĐỖ	Lm Peter Lê Văn Quảng, PsyD.
RƠM	Nhà Văn Quyên Di, Giáo Sư Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam đại học UCLA
TÁM TÔN THƯƠNG TIÊU BIỂU (Tiếp theo)	Eymard An Mai Đỗ O.Cist
VĂN HOÁ ỨNG XỬ - TRÁNH HỒ ĐỒ KHI VỘI KẾT ÁN THA NHÂN	Lm Đan Vinh, HHTM
CHUYỆN VỀ CÁC THỪA SAI MEP CHA BÉLIARD DONATIEN – CỔ PHƯỚC (1913 – 1974)Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
NHỮNG KIỂU PHỤ NỮ	Chuyện phiếm của Gã Siêu

Nghề Nghiệp và Ơn Gọi: Lao Động của Con Người

DOCAT

Phải làm gì?

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM
ỦY BAN CÔNG LÝ & HÒA BÌNH



**Giáo Huấn Xã Hội
của
Giáo Hội Công Giáo**

**Bản dịch Tiếng Việt
do BBT CGVN thực hiện và tặng lại cho
Ủy Ban Công Lý & Hoà Bình
Hội Đồng Giám Mục Việt Nam**

**Nihil Obstat
Cha Giuse Maria Lê Quốc Thăng
Thư Ký Ủy Ban Công Lý & Hoà Bình
Lễ Thánh Cả Giuse 2017**

**IMPRIMATUR
Đức Cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp, OP.
Giám Mục Giáo Phận Vinh
Chủ Tịch Ủy Ban Công Lý & Hoà Bình
Đại Lễ Phục Sinh 2017**



“A Christian who in these times is not a revolutionary is not a Christian”.

“Un Chrétien, s’il n’est pas un révolutionnaire en ce temps, n’est pas Chrétien”.

“Một Kitô hữu sống trong thời đại này mà không dám lội ngược dòng thì không phải là Kitô hữu”.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô

Chỉ cá sống mới bơi được ngược dòng.

Khuyết danh (DoCat số 315)

6

CÂU HỎI
134 TỚI 157

**NGHỀ NGHIỆP
và
ƠN GỌI:**

**LAO ĐỘNG
của
CON NGƯỜI**



**Chọn được một nghề mà bạn thích,
thì bạn sẽ chẳng còn cảm thấy phải làm việc vất vả
thêm một ngày nào nữa trong cuộc đời mình.
Tục ngữ châu Á**

134

Lao động có ý nghĩa gì đối với con người?

Có thể làm việc, có việc làm và có thể hoàn thành một cái gì đó cho chính mình và cho người khác là nguồn hạnh phúc lớn lao đối với nhiều người. Bị thất nghiệp, không được ai cần đến, sẽ khiến người ta cảm thấy bị mất đi phẩm giá. Qua công việc con người phát triển các thiên hướng, năng khiếu của mình và tham gia vào phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Công việc đóng một vai trò quan trọng trong kế hoạch của Thiên Chúa. Thiên Chúa truyền cho con người thống trị mặt đất (St 1:28) để bảo vệ và vun trồng trái đất này. Lao động có thể là sự phục vụ có giá trị cho đồng loại của mình. Thậm chí còn hơn nữa: vun trồng cho trái đất cách bền vững và sáng tạo để phát triển tiềm năng hơn nữa của nó, làm cho con người nên giống như Đấng Tạo Hóa. Làm các nhiệm vụ đơn giản cách tốt đẹp, cũng còn kết hiệp con người với Chúa Giêsu, chính Người là một người lao động.

⇒275, 287 ⇒2427-2428 ⇒444

135

Lao động có phải là án phạt từ Thiên Chúa không?

Đôi khi các bạn đọc đâu đó thấy rằng lao động là án phạt từ Thiên Chúa vì tội nguyên tổ Adam. Nhưng điều đó không đúng. Theo trình thuật của Kinh Thánh về sáng tạo, thay vì thế, lao động là một phần thiết yếu của con người thụ tạo. Trong Sáng Thế Ký 2:15 con người nhận được lời bảo hãy cày cấy và canh giữ Vườn Êđen. Nhưng sau khi Adam và Eva đã không vâng lời Thiên Chúa: không được ăn "trái của cây cho biết điều thiện điều ác" (Tv 2:17), nói cách khác, sau khi nguyên tổ sa ngã, Thiên Chúa nguyên rửa đất đai mà con người sẽ phải cày cấy. Kể từ đó công việc đã trở nên cực nhọc, và con người phải làm việc cực khổ để nuôi thân và gia đình. Theo quan điểm Kinh Thánh, án phạt của Chúa dành cho sự sa ngã của con người không phải là bản thân lao động, nhưng đúng hơn là những khó khăn trong lao động.

⇒255 f. ⇒307 ⇒50, 66



Ngay từ khởi thủy lao động của con người là huyền nhiệm sáng tạo.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), LE 12



Ba người thợ đẽo đá được hỏi họ đang làm gì. Người thứ nhất nói: "Tôi đang đục đá." Người thứ hai nói: "Tôi đang tạo hình vòm cửa sổ kiểu Gôtích." Người thứ ba nói: "Tôi đang xây thánh đường."

Khuyết danh



Lao động làm cho tính cách con người thành nhân vị cao quý.

JOHN HARDON, S.J. (1914-2000), linh mục dòng Tên và nhà thần học người Mỹ



Nếu một người được kêu gọi làm phu quét đường, thì người ấy nên quét đường y như cách Michelangelo vẽ tranh, hoặc Beethoven sáng tác nhạc hay Shakespeare làm thơ. Người ấy nên quét đường cho thật tốt đến độ tất cả các thiên binh trên trời dưới đất phải dừng lại để nói rằng: "Nơi đây đã từng có một người quét đường vĩ đại, người ấy đã làm thật tốt công việc của mình."

136

Lao động có phải là một nghĩa vụ không?

Thiên Chúa dựng nên trái đất và để trái đất như quà tặng quý giá cho con người. Như Kinh Thánh mô tả, lao động của con người là sự đáp lại lòng biết ơn phù hợp với quà tặng này. Cho nên khi con người theo đuổi nghề nghiệp của mình, ngay khi còn bé đã đi học, rồi thanh niên lớn lên lại được học tập, đào tạo để chuẩn bị cho công việc sau này, thì đây không chỉ là chuyện để có thể kiếm sống cho riêng họ. Qua lao động, con người có được đặc quyền góp phần vào sự phát triển tích cực của thế giới. Vì vậy, bằng cách nào đó con người tham gia vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa.

⇒264-266, 274 ⇒2427-2428, 2460 ⇒440

137

Chúa Giêsu xem lao động như thế nào?

Chúa Giêsu "giống chúng ta về mọi phương diện ngoại trừ tội lỗi" (Công đồng Chalcedon, 451 SCN, trích dẫn Dt 4:15; x. GLCG 467). Chúa Giêsu sống giữa những ngư phủ, nông dân, thợ thủ công và chính Người đã học nghề và sau đó lao động bằng nghề thợ mộc trong xưởng của Thánh Giuse cho đến khi Chúa Giêsu ba mươi tuổi. Trong các dụ ngôn của mình, Chúa Giêsu đã dùng hình ảnh từ trong cuộc sống làm ăn buôn bán. Trong bài giảng, Người khen các gia nhân biết đầu tư tài năng của họ, trong khi Người trách các đầy tớ lười biếng chôn vùi tài năng của họ (xem Mt 25: 14-30). Ở trường học, người ta được đào tạo chuyên môn, rồi sau này đi làm việc, và dường như lao động thường là một bổn phận khó nhọc. Chính trong lao động chúng ta có thể học được điều này ở Chúa Giêsu và cùng với Người vác thập giá mình mỗi ngày để theo Người, Chúa Giêsu đã vác Thánh giá để cứu chuộc chúng ta.

⇒259, 263 ⇒2427 ⇒85, 494

138

Lao động và sự nghiệp thành công liên quan đến mục đích thực sự của đời người thế nào?

Lao động là một phần của cuộc sống, nhưng nó không phải là cuộc sống. Đây là một điểm khác nhau đặc biệt quan trọng. Ngày nay, nhất là ở các nước phát triển cao trên thế giới, có rất nhiều người

MARTIN LUTHER KING (1929-1968)

” Tâm hồn được nuôi dưỡng bởi điều linh hồn yêu thích.

THÁNH AUGUSTINÔ (354-430)

” Lao động là một lợi ích của con người – một lợi ích cho nhân tính của họ - bởi vì, nhờ lao động, không những con người biến đổi thiên nhiên bằng cách ứng dụng nó vào nhu cầu của riêng họ, mà con người còn đạt được sự viên mãn với tư cách là con người và hiểu theo ý nghĩa nào đó, “họ trở nên người hơn”.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), LE 9

” Nếu lao động là điều quan trọng nhất, thì sẽ không có ý nghĩa trong cuộc sống đối với người khuyết tật, chẳng còn giá trị gì đối với người già, và sẽ chưa có giá trị chi đối với trẻ con.

NORBERT BLÜM (sn.1935), chính trị gia người Đức

” Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mỗi mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mỗi mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi. Vì kho tàng của anh em ở đâu, thì lòng trí anh em ở đó.

Mt 6: 19-21

dường như chỉ sống cho công việc của họ. Đối với họ, làm việc giống như cơn nghiện, do đó những người này được gọi là người nghiện việc. Chúa Giêsu cảnh tỉnh mọi người đừng để cho chính mình bị nô lệ cho công việc như thế. Mục đích của đời người không phải là để tích lũy tiền bạc hoặc kiếm danh tiếng, nhưng để đạt được cuộc sống vĩnh cửu với Thiên Chúa bằng lời cầu nguyện, bằng việc thờ phượng, và hành động yêu thương tha nhân. Chừng nào lao động của con người còn phụ thuộc vào mục đích này, thì nó là một phần của đời sống Kitô hữu. Nhưng khi lao động trở nên cứu cánh của chính nó và làm lu mờ mục đích hiện hữu đích thật của con người, thì tầm quan trọng của lao động bị phóng đại quá mức. Tuy nhiên, nhiều người phải làm dăm ba việc và chịu khó làm để nuôi sống gia đình họ. Như vậy, là họ đang làm để phục vụ cho gia đình, nên công việc họ làm được Thiên Chúa phúc phúc.

⇒260 ⇒2426-2428 ⇒47, 444

” Điều làm ta mệt mỏi là việc ta bỏ bê, chứ không phải việc ta làm.

MARIE VON EBNER-ESCHENBACH (1830-1916)

” Công việc của bạn chẳng đi đâu mất nếu bạn dành chút thời gian để chỉ cho con mình xem cầu vồng. Nhưng cầu vồng không nằm chờ ở đây cho đến khi bạn làm xong công việc của mình.

Châm ngôn Trung Hoa

” Chúa nhật làm ta tốn phí thứ gì nhỉ? Chính câu hỏi tự nó đã là sự công kích dứt khoát vào ngày Chúa nhật. Quả thực, Chúa nhật đúng là Chúa nhật vì nó không tốn phí gì cả về kinh tế, cũng chẳng làm ra cái chi. Câu hỏi về tốn phí có ý hỏi xem có đáng phải bỏ ra một ngày nghỉ việc hay không, cho thấy người ta đã có ý biến Chúa nhật thành ngày làm việc.

ROBERT SPAEMANN
(sn.1927)

” **Họ kêu gọi nhân lực và con người hiện diện.**
Max Frisch (1911-1991), vấn đề về "người lao động nước ngoài"

139

Điều răn nghỉ ngày Chúa nhật có tác động gì đến lao động?

Điều răn nghỉ việc vào ngày Sabát hoặc ngày Chúa nhật là điều răn hội tụ đỉnh điểm, cao điểm của giáo huấn Kinh Thánh về lao động. Bằng việc tạm thời nghỉ việc và tham dự Thánh lễ Chúa nhật, con người nhìn về mục đích thực sự của cuộc đời mình. Điều răn nghỉ việc ngày Sabát, do đó cũng là một nguyên tắc chống lại sự nô dịch của con người vào lao động. Điều răn giữ ngày Sabát được lập ra cho cả hai mục đích: để con người được tự do thờ phượng Thiên Chúa, mà cũng là để bảo vệ nhân loại, đặc biệt là người nghèo khỏi bị giới chủ bóc lột.

⇒258 ⇒2185-2188 ⇒47

” Chúng tôi tin chắc rằng phong trào Xã Hội Kitô Giáo đã mắc phải một sai lầm rất lớn bởi mãi đến bây giờ họ chẳng hành động gì cả, còn không thì đúng là họ đã hành động sai lầm đối với giới công nhân.

ADOLPH KOLPING – Khôi Bình (1813-1865), linh mục người Đức làm mục vụ cho giới công nhân đô thị

140

"Vấn đề của công nhân" là gì?

Tiến trình công nghiệp hóa và sự lan rộng của nền kinh tế thị trường tự do đã dẫn đầu trong thế kỷ XIX với sự phát triển kỹ thuật và kinh tế nhanh chóng chưa từng có ở châu Âu và Hoa Kỳ. Kết quả là, vô số người tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn từ những ngôi làng nghèo đổ dồn tới các thành phố công nghiệp đang phát triển nhanh chóng để làm việc trong các hãng xưởng hiện đại. Nhưng tất cả các hy vọng của họ hầu như đã bị tiêu tan. Trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa, nhiều công nhân nhà máy phải chịu cảnh khốn đốn vì điều kiện làm việc bất nhân và tiền lương không đủ sống. Họ và gia đình họ hầu như đã chẳng có gì dựa vào để sống mà còn phải chịu quá nhiều rủi ro đến tính mạng. Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tàn tật, và bảo hiểm y tế thì chưa ra đời. Trong tình cảnh như vậy, một tầng lớp xã hội mới hay "giai cấp" mới phát triển: giai cấp vô sản, một giai cấp bị loại ra khỏi các lợi ích của nền kinh tế thịnh vượng đang phát triển, do đó trở nên bị phụ thuộc về mặt xã hội vào thành phần còn lại trong xã hội.

⇒ 267 ⇒ 2427-2428, 2460 ⇒ 438-439

141

Giáo huấn xã hội của Giáo Hội đã diễn biến như thế nào?

Với sự khai triển giáo huấn xã hội của mình, Giáo Hội cố gắng đáp ứng lại những thách thức về vấn đề của người lao động. Suốt từ giai đoạn đầu của tiến trình công nghiệp hóa ở phương Tây, những nhân vật nổi bật như Giám mục của Mainz ở Đức, Wilhelm von Emmanuel Ketteler (1811-1877) đã phải đương đầu với vấn đề này. Trong thông điệp xã hội đầu tiên, Thông điệp Rerum Novarum (1891), Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã lên án sự phân chia xã hội thành các giai cấp xã hội, đã chỉ trích tiền lương thấp và điều kiện làm việc quá thiếu thốn phổ biến trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, như một tình trạng chống lại nhân phẩm và nhân quyền xã hội. Đức Giáo Hoàng đã yêu cầu rằng những người lao động phải nhận được phần đãi ngộ xứng đáng từ sự thịnh vượng kinh tế đang phát triển và đã cấp bách cảnh báo những nguy cơ về tình trạng xung đột giai cấp.

⇒ 267, 268 ⇒ 2419-2423 ⇒ 438-439

142

Sự khác biệt giữa giáo huấn xã hội của Giáo Hội và chủ nghĩa Mác như thế nào?

” Các vấn đề xã hội liên quan đến kho tàng đức tin (*depositum fidei*).

ĐGM WILHELM EMMANUEL VON KETTELER (1811-1877), giám mục người Đức (*depositum fidei* = Kho tàng đức tin, những chân lý chính yếu của đức tin)



Thật là sai lầm lớn [các vấn đề xã hội] khi đưa ra khái niệm rằng tự nhiên giai cấp thù địch giai cấp, người giàu có và những người lao động từ bản chất đã được định cho để sống trong xung đột lẫn nhau. Quan niệm này sai lầm và phi lý đến độ đối ngược lại mới là sự thật.

ĐGH LÊÔ XIII (1810-1903), RN 19

” Không phải tôn giáo, mà cách mạng mới là thuốc phiện ru ngủ nhân dân.

SIMONE WEIL (1909-1943), triết gia và nhà thần bí Pháp, người đã tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị và xã hội

” Ý niệm về xã hội có vẻ rất giống ý niệm về tôn giáo mà người ta có thể bị lầm lẫn điều ấy.

SIMONE WEIL (1909-1943)



Nguồn gốc phẩm giá của lao động không thể tìm thấy

Karl Marx (1818-1883) cũng đã phát triển học thuyết cộng sản của mình như một hệ tư tưởng đáp lại vấn đề của người lao động. Tuy nhiên, đối với ông, cách giải quyết phải là một cuộc đấu tranh giai cấp, giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản đã phải bị tước đoạt thô bạo, và một chế độ chuyên chính của giai cấp vô sản đã được thiết lập. Trong thế kỷ XX, ý thức hệ cộng sản mang lại nỗi thống khổ không thể tưởng tượng cho nhân loại. Ngay từ đầu, Giáo Hội đã nhận ra sự nguy hiểm của chủ nghĩa cộng sản và lên án gay gắt lời dạy đấu tranh giai cấp. Thay vì thế, học thuyết xã hội của Giáo Hội và Phong trào Dân chủ Xã hội Kitô giáo ở châu Âu đã cam kết dấn thân cho lợi ích công bằng hợp lý trong những người tham gia khác nhau vào kinh tế và xã hội.

⇒88-90 ⇒2424-2425 ⇒439

143

Chiều kích "khách quan" và "chủ quan" của lao động khác nhau như thế nào?

Các nhà kinh tế thì đề cập đến năng suất lao động của một doanh nghiệp hoặc thậm chí của một cá nhân. Còn giáo huấn xã hội của Giáo Hội phân biệt chiều kích "khách quan" của lao động với chiều kích "chủ quan" của lao động. Chiều kích chủ quan của lao động là phẩm giá vốn có trong tất cả mọi công việc, vì nó được con người thực hiện. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II mô tả quan điểm này về con người có phẩm giá bất khả xâm phạm như một *chủ thể của lao động* như trọng tâm cơ bản và vĩnh viễn của giáo huấn Kitô giáo về lao động của con người" (LE 6). Do đó, người ta không bao giờ được đối xử ngạo mạn với những người làm những việc được cho là "tầm thường", những việc không cần phải được đào tạo đặc biệt hoặc không cần phải có bằng cấp thực thụ.

⇒270-271

144

Nguyên tắc "lao động ưu tiên hơn vốn" nghĩa là gì?

Một hệ quả của chiều kích chủ quan của lao động là "*nguyên tắc lao động ưu tiên hơn vốn*" (LE 12). Sở dĩ như vậy vì con người làm chủ vốn liếng, là đối tượng bên ngoài, trong khi lao động không thể tách rời khỏi con người thực hiện nó và không thể tách khỏi phẩm giá của con người ấy. Không kể đến lợi ích của vốn liếng, thì những đòi hỏi cạnh tranh, hay những khía cạnh khắc nghiệt của toàn cầu hóa có thể cho thấy rõ chuyện hạ thấp phẩm giá, đồng

nơi chiều kích khách quan ở lao động nhưng chủ yếu phải tìm nơi chiều kích chủ quan ở người lao động.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), LE 6

” Thiên Chúa không coi lao động quan trọng nhiều bằng tình yêu được thực thi.

THÁNH TÊRÊSA AVILA (1515-1582)

Phân tích cho đến cùng thì luôn thấy rằng con người là mục đích của công việc, bất luận công việc nào được con người thực hiện - dù là công việc hết sức hèn mọn, một lao động cực kỳ đơn điệu xét theo bậc thang giá trị thông thường, ngay cả một lao động tầm thường nhất.

ĐGH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), LE 6

Không thể nào có tư bản mà không có lao động, cũng không thể nào có lao động mà không có tư bản.

ĐGH LÊÔ XIII (1810-1903), RN 19

Tôi muốn nhắc nhớ mọi người, đặc biệt là những chính phủ tham gia vào việc thúc đẩy phát triển tài sản kinh tế và xã hội của thế giới, tài nguyên quan trọng nhất cần được bảo vệ và được đánh giá cao chính là con người, là nhân vị trong sự trọn vẹn của mình.

ĐGH BÊNÊĐICTÔ XVI, CiV 25.2

lương bóc lột và các điều kiện làm việc không đáp ứng.

⇒277 ⇒2426 ⇒442, 445

145

Giáo huấn xã hội của Giáo Hội có ý gì khi đòi hỏi phải có sự tham gia của người lao động?

Cốt lõi của vấn đề người lao động là thực tế người lao động không được chia sẻ cách thỏa đáng sự thịnh vượng kinh tế mà xã hội đã đạt được qua việc công nghiệp hóa và nền kinh tế thị trường. Vào giai đoạn đầu công nghiệp hóa, công nhân nhà máy thường bị đối xử như những "cái máy người". Trong xã hội thì họ bị gạt ra bên lề. Ngày nay, chúng ta thấy tình trạng tương tự như thế ở nhiều quốc gia đang phát triển và những quốc gia mới phát triển. Trong bối cảnh này, một trong những đòi hỏi chính của giáo huấn xã hội của Giáo Hội lúc nào cũng là cần có sự tham gia thực sự của người lao động. Một mặt, điều này có nghĩa là việc tham gia của họ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: người lao động phải có tiếng nói về nơi làm việc của họ. Mặt khác, điều đó còn có nghĩa là việc tham gia vào xã hội và chính phủ: người lao động phải có thể sống xứng đáng là những công dân với đầy đủ tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ kèm theo.

⇒281 ⇒2423

146

Phải làm gì về tình trạng việc làm bất ổn?


Kitô hữu được kêu gọi đối xử với những người gặp khó khăn thiếu thốn như đối xử với chính Chúa Kitô. Ngày nay ở đâu người lao động bị gạt ra ngoài lề xã hội vì 'tình trạng việc làm bất ổn' hoặc vì họ là những người trong số 'những người lao động nghèo' (tiền lương không đủ sống), thì họ thực sự là những người đang gặp cảnh khó khăn thiếu thốn. Việc làm không được bảo đảm khi đồng lương rõ ràng thấp hơn mức vật giá thị trường, khi người lao động không còn có thể lo được cho tương lai, hoặc khi quyền lợi của người lao động bị xâm phạm. Người lao động có quyền làm việc và được hưởng mức lương xứng đáng. Điều này cũng được áp dụng đối với lao động thời vụ và các di dân. Đây là thách thức đối với tất cả mọi người khi thị trường đẩy người lao động rơi vào tình trạng việc làm bất ổn. Nhà nước có thể và phải tạo điều kiện cho những nơi chủ sử dụng lao động có thể cung cấp việc làm, ví dụ như thông qua một 'thị trường việc làm thứ cấp' là nơi có thể có những việc làm cần thiết cho xã hội nhưng ở ngoài thị trường. Tuy

” Vấn đề xã hội không có giới hạn.


VICTOR HUGO (1802-1885), văn hào Pháp

” Bạn không nên công kích người dưới quyền mình bằng lời đe dọa như thể đánh bằng dùi cui. Thay vì thế, dùng những lời công bình cùng với lòng thương xót và xoa dịu với lòng kính sợ Thiên Chúa.

THÁNH HILDEGARDO OF BINGEN (1098-1179), tu viện trưởng người Đức, nhà thần bí và Tiến Sĩ Hội Thánh

 Quyền làm chủ các phương tiện sản xuất, dù trong kỹ nghệ hay trong nông nghiệp, trở nên chính đáng và hợp pháp nếu phục vụ những công việc hữu ích. Tuy nhiên, chúng trở nên bất chính khi bị bỏ phí hoặc khi dùng để làm cản trở công việc của những người khác với cố gắng thu lợi không do kết quả của sự mở rộng lao động về mọi mặt và sự thịnh vượng của xã hội, mà đúng hơn là kết quả của việc hạn chế hoặc khai thác bất hợp pháp, đầu cơ hoặc phá vỡ tình liên đới giữa những người lao động. Quyền làm chủ thuộc loại này không chính đáng và tượng trưng một sự lạm dụng và tượng trưng một sự lạm dụng trước mặt Thiên Chúa và con người.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), CA 43

 Việc thất nghiệp hoặc lệ thuộc vào sự trợ giúp công

nhân, nguyên tắc hỗ trợ phải là quan trọng hơn hết, còn các biện pháp như vậy chỉ nên là giai đoạn chuyển tiếp dẫn đến thị trường sơ cấp và không được ở tình trạng cạnh tranh với thị trường sơ cấp này.

⇒273, 274 ⇒1940, 2434 ⇒444, 447

147

Mối quan hệ giữa lao động và tư hữu phải như thế nào?

Karl Marx và Friedrich Engels đã viết trong *Bản Tuyên Ngôn Cộng Sản* năm 1848 của họ rằng mục tiêu của *Chủ Nghĩa Cộng Sản* có thể được tóm tắt là "Sự xóa bỏ tư hữu". Ngược lại, Giáo Hội trong giáo huấn xã hội của mình đã luôn bảo vệ quyền tư hữu. Tuy vậy, đồng thời Giáo Hội cũng luôn nhấn mạnh rằng Thiên Chúa dựng nên trái đất và của cải của nó để giúp ích cho *hết mọi người*. Học thuyết xã hội gọi đây là "mục đích phổ quát của của cải vật chất". Từ mục đích này theo nguyên tắc *quyền tư hữu đòi hỏi phải có nghĩa vụ xã hội*. Điều này có nghĩa là người ta không được dùng tài sản của mình theo cách ích kỷ mà nên dùng nó cho lợi ích của tất cả mọi người. Điều này đặc biệt đúng đối với mối quan hệ giữa quyền tư hữu và lao động: các khoản đầu tư nên thúc đẩy cho việc tạo ra những việc làm mới và gia tăng công ích.

⇒282 ⇒2402-2406 ⇒426-427

148

Có quyền được làm việc không?

Đối với đại đa số người dân, lao động thường là nguồn thu nhập duy nhất và quan trọng nhất. Nhưng không chỉ có vậy: làm việc là điều kiện thiết yếu của sự phát triển năng khiếu của con người và việc tham gia vào xã hội. Ngược lại, tình trạng thất nghiệp có nghĩa nghiêm trọng hơn chỉ là sự mất mát thu nhập vật chất. Tình trạng thất nghiệp thường có nghĩa là đơn độc, thiếu tự tin, mặc cảm xã hội và khuyết tật. Vì vậy, học thuyết xã hội của Giáo Hội đề cập đến quyền *luân lý* được lao động. Tất cả các lực lượng xã hội – các doanh nghiệp, các công đoàn lao động, các hoạt động chính trị – đều có nghĩa vụ cổ vũ quyền lao động này và theo đuổi mục đích sao cho toàn bộ dân chúng có việc làm.

⇒155-156, 268 ⇒2433-2434 ⇒444

149

Mối quan hệ giữa lao động và đời sống gia đình như thế nào?

hay tư trong một thời gian dài, sẽ đánh mất đi sự tự do và tính sáng tạo của cá nhân, của gia đình và xã hội, đem đến những đau khổ nặng nề trên bình diện tâm lý lẫn tinh thần.

ĐGH BÊNÊĐICTÔ XVI, CiV 25



Trong nhiều trường hợp, nghèo đói là hậu quả của *việc vi phạm phẩm giá lao động của con người*, vì những cơ hội lao động của họ bị giới hạn hoặc "vì lao động bị đánh giá thấp cùng với các quyền bắt nguồn từ nó, nhất là quyền được hưởng tiền lương xứng đáng và quyền được bảo đảm cho cá nhân người lao động hoặc gia đình của họ."

ĐGH BÊNÊĐICTÔ XVI, CiV 63



Phải nhớ và xác định rằng: gia đình là một trong những điểm quan trọng nhất mà trật tự xã hội và đạo đức về lao động con người phải dựa vào để định hình phát triển. Gia đình vừa là một *cộng đồng được thành hình và tồn tại được nhờ có lao động* đồng thời cũng là *trường học đầu tiên dạy* cho mọi người lao động.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 10



Ngưng đầu tư vào con người để đạt được lợi nhuận tài chính ngắn hạn nhiều

Thường giống như thể đời sống lao động và cuộc sống gia đình phát sinh những đòi hỏi mâu thuẫn và không thể dung hòa với nhau. Tuy nhiên, lao động góp phần hướng tới việc tạo ra một nền tảng vật chất và luân lý cho cuộc sống. Tiền lương bảo đảm sinh kế của gia đình, và các bậc cha mẹ duy trì được việc làm là tấm gương quan trọng đối với con cái đang lớn. Tuy nhiên, đối với nhiều người, giữ ổn định được gia đình và nghề nghiệp là việc không dễ dàng. Điều này hoàn toàn đúng khi cả cha và mẹ muốn hoặc phải theo đuổi nghề nghiệp. Do đó, những chủ sử dụng lao động, công đoàn và các chính sách của chính phủ phải tạo được một nỗ lực chung để phát triển các mô hình mới và linh hoạt cho việc sử dụng lao động, làm cho việc kết hợp nghề nghiệp với gia đình được thực tế hơn.

⇒294



Giáo huấn xã hội Công giáo nói gì về chủ đề phụ nữ trong giới lao động?

Ở các nước phát triển cao trên thế giới phương Tây, việc giải phóng phụ nữ đã có nhiều tiến bộ: Giáo Hội hoan nghênh và ủng hộ việc này. Phụ nữ có quyền bình đẳng trong vai trò ở mọi lĩnh vực của xã hội. Tuy nhiên, các điều kiện tiên quyết cho vai trò của họ là phải tùy vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi người. Nhất là phụ nữ mang thai và các bà mẹ cần phải được bảo vệ đặc biệt theo luật pháp và xã hội nói chung. Điều này đặc biệt đúng đối với giới lao động. Ở nhiều nơi trên thế giới, việc bảo vệ này chưa được theo đúng như vậy. Phụ nữ ở nhiều nơi đang phải chịu sự phân biệt đối xử và khai thác, đã hạ thấp phẩm giá của họ. Nhà nước, xã hội và Giáo Hội phải kiên quyết chống lại sự bất công này.

⇒295 ⇒2433

hơn, là loại kinh doanh không tốt cho xã hội.

ĐGH PHANXICÔ, LS 118



Bởi vậy, lời cảm ơn của tôi đối với người nữ cũng trở nên như *lời mời gọi chân thành*, để từ phía mỗi người, và đặc biệt từ phía các quốc gia, các định chế quốc tế, biết làm những gì cần thiết để trả lại cho người nữ sự tôn trọng trọn vẹn cho vai trò và phẩm giá của họ.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), Thư gửi phụ nữ (1995)



Đừng bao giờ quá bận kiếm sống đến độ bạn quên cả gầy dựng cuộc sống.

Khuyết danh



Một trong những món quà quan trọng nhất mà bạn có thể tặng cho ai đó là thời gian và sự quan tâm của mình.

Khuyết danh



Mỗi người mẹ đều là một người mẹ lao động!

Châm ngôn truyền thống



Kỳ thực công việc của người mẹ chắc chắn là công việc quan trọng nhất trên đời. Công việc của người mẹ là việc nhờ đó mà tất cả mọi người khác có mặt trên đời.

C.S. LEWIS



Đàn ông suốt ngày bán mặt cho đất bán lưng cho trời ai cũng biết, còn phụ nữ cả ngày lẫn đêm tối mặt tối mày chẳng ai hay.

Châm ngôn bình dân

 **Ai làm có cho một trong những kẻ bé mọn đang tin Thầy đây phạm tội, thì thả buộc cối đá lớn vào cổ nó mà xô cho chìm xuống đáy biển còn hơn.**

Mt 18:6

151

Giáo huấn xã hội của Giáo Hội nói gì về vấn đề lao động trẻ em?


Trong giai đoạn đầu tiến trình công nghiệp hóa, tình trạng khai thác lao động trẻ em là một trong những vụ tai tiếng lớn ở Mỹ và châu Âu. Thậm chí ngày nay lao động trẻ em vẫn còn lan rộng ở các nước đang phát triển và mới phát triển. Thường tình trạng kiệt quệ kinh tế quá mức đã buộc các gia đình phải để cho con trẻ của họ đi làm kiếm tiền. Cho nên, mục tiêu là phải tạo các điều kiện xã hội trên toàn thế giới để cung cấp cho tất cả các gia đình phương tiện bảo đảm sinh kế mà không cần trẻ em phải đóng góp thu nhập cho gia đình. Bất kể trường hợp nào đi nữa cũng không nên để trẻ em phải lao động nếu điều đó làm tổn hại đến sự phát triển trí tuệ và thể chất của trẻ em. Việc khai thác và nô dịch trẻ em là một sự bất công đã kêu thấu tới trời.

⇒ 296


152

Làm sao đối xử với hiện tượng lao động di dân được công bằng?

Trên thế giới ngày nay, có sự mất cân bằng rất lớn giữa các nước giàu và nghèo, và giữa các vùng trù phú và nghèo nàn. Do đó, ngày nay nhiều người rời bỏ nhà cửa của họ để tìm việc và kiếm tiền ở các khu vực đông dân cư hoặc ở các nước khác. Những người này được gọi là lao động di dân. Nếu một quốc gia quyết định tiếp đón người lao động di dân, thì những nước ấy không được đối xử với họ như những người lao động hạng hai. Trong bất cứ trường hợp nào, người lao động di dân cũng không thể bị bóc lột; trong công việc, họ phải có các quyền giống như những người lao động ở địa phương và nhận được mức lương cũng bằng với những người ấy. Hơn nữa, họ phải được tôn trọng là con người, chứ không phải chỉ là người lao động. Đặc biệt, phải tôn trọng quyền của người lao động di dân được quyền bảo lãnh đoàn tụ gia đình. Nhà nước, cộng

 Ta không thừa kế trái đất này từ cha mẹ mình để muốn làm gì thì làm. Ta đã mượn trái đất của con cái mình, nên ta phải dùng nó thận trọng vì lợi ích của chúng cũng như của mình.

MOSES HENRY CASS
(sn.1927), chính trị gia người Úc

 Tước đi cơ hội học hành không chỉ khiến cho trẻ lao động trong các nhà máy bị mất các phương tiện kinh tế cung cấp cho tương lai của chúng, mà chính nhân tính của những trẻ nô lệ bị bỏ bê ở ngành công nghiệp nhà máy này còn bị bẻ cong, vì chúng chẳng bao giờ có thể ngoi lên được nơi tươi sáng để tự do phát triển trí tuệ.

FRANZ JOSEPH VON BUSS
(1803-1878). Năm 1837, mười một năm trước khi quyển *Das Kapital* của Karl Marx ra mắt, Von Buss đã đọc bài diễn văn mệnh danh là nhà máy.

đồng doanh nghiệp và xã hội phải nỗ lực giúp hội nhập các lao động di dân hoàn toàn vào xã hội.

⇒297 f. ⇒2241

153

Giáo huấn xã hội phản ứng với những biến động trong nông nghiệp trên toàn cầu ra sao?

Nông nghiệp tạo ấn tượng về phong cảnh, văn hóa của một xã hội rõ nét nhiều hơn các ngành kinh tế khác. Vì vậy, việc bảo tồn ngành công nghiệp trang trại nuôi trồng bền vững là quan trọng ngay cả đối với các nước công nghiệp phát triển cao. Tuy nhiên, cho đến nay hầu hết các nước trên thế giới, lĩnh vực trồng trọt lúc nào cũng là thành phần quan trọng nhất của nền kinh tế. Phần lớn người dân lao động cũng nằm trong lĩnh vực đó. Điều này đặc biệt đúng đối với các vùng và các nước nghèo trên thế giới. Thông thường vấn đề cơ bản là đất nông nghiệp nằm trong tay của một vài đại địa chủ. Nơi mà quyền sở hữu đất đai như vậy dẫn đến việc bóc lột nông dân, phương hại đến công ích, làm cản trở phát triển tích cực của nền kinh tế quốc gia, giáo huấn xã hội của Giáo Hội kêu gọi cải cách ruộng đất và phân phối ruộng đất theo mô hình mới. Những bước như thế phải được thực hiện theo một cách hợp pháp có trật tự. Không được lấy bất công mới để chống lại bất công cũ.

⇒299 f.

154

Tại sao cần phải có các điều luật đặc biệt về lao động và sử dụng lao động?


Trong một nền kinh tế thị trường, chỉ khi cả hai bên của một hợp đồng đều nắm được cùng thông tin và có sức mạnh kinh tế như nhau, thì mới có sự cân bằng thực sự giữa hai bên đối tác (nhờ vậy có lý do để đàm phán các điều khoản trong hợp đồng). Trong một hợp đồng lao động, thường không hoàn toàn theo đúng như vậy. Theo lệ thường, chủ sử dụng lao động là bên được cung cấp nhiều thông tin rõ ràng hơn và có ưu thế hơn về kinh tế. Đây là lý do tại sao các lợi ích chính đáng của người lao động phải được luật pháp đặc biệt bảo vệ, được gọi chung là luật lao động. Ví dụ, các luật này gồm sự bảo vệ khỏi bị → BÓC LỘT TIỀN LƯƠNG, quyền được nghỉ ngày Chúa nhật và được nghỉ phép, và được hưởng trợ cấp trong trường hợp thất nghiệp hay đau bệnh; được hưởng sự bảo vệ các bà mẹ như đã đề cập ở trên.

” Di dân thường không vi phạm pháp luật nhiều bằng pháp luật xâm phạm di dân.

HERNANDO DESOTO (sn.1941), kinh tế gia người Peru

” Ngoài việc bảo tồn động vật và thực vật, chính con người mới phải được bảo vệ trên hết.

HANS EHARD (1887-1980), Cựu Thủ tướng Bavarian

 Công việc đồng áng gặp những khó khăn lớn như việc phải vận dụng sức lực thể xác lâu giờ và cực nhọc, việc xã hội thường coi nhẹ giá trị của người nông dân khiến họ có cảm giác mình là con ghẻ của xã hội và thúc đẩy hiện tượng rất đông nông dân bỏ đồng ruộng lên thành thị, và thật không may khi điều kiện sống của họ ở thành thị không xứng đáng với con người.

THÁNH GH GIOAN PHAOLÔ II (1920-2005), LE 21

” Tôi sẽ lắng nghe cả bên nguyên cáo và bên bị cáo đồng đều như nhau.

Lời thề của một thẩm phán Athens cổ

” Chúng ta nên để lại phía sau một trái đất mà ở đó



Khi nào tiền lương được công bằng?

Ngay từ đầu, giáo huấn xã hội của Giáo Hội đã đòi hỏi tiền lương của người lao động cần phải đủ để bảo đảm cuộc sống cho bản thân và gia đình họ. Ngày nay, nhu cầu này được diễn tả hơi khác một chút: tiền lương phải đủ cao để người lao động có thể tham gia vào đời sống xã hội cách toàn diện. Tuy nhiên, rất khó xác định chính xác số tiền lương được công bằng là bao nhiêu. Người ta không những phải xét đến chức vụ và năng suất của từng cá nhân, mà còn xét cả chủ sử dụng lao động. Hơn nữa, bối cảnh kinh tế và xã hội cũng cần phải xét đến. Những mức lương quá cao cũng có thể gây rủi ro cho năng suất kinh tế tổng thể, do đó có thể gây phương hại đến công ích. Dù trường hợp nào đi nữa, việc xác lập tiền lương cũng phải có thủ tục công bằng. Ở đây công đoàn lao động đóng một vai trò quan trọng. Theo cách hỗ trợ (tức là, đóng vai trò thứ cấp), Nhà nước có thể bảo đảm một mức lương tối thiểu. Nói chung, hệ thống tiền lương cũng phải công bằng. Theo quan điểm để giữ các mối quan hệ trong xã hội được yên bình, không nên có sự chênh lệch rõ ràng quá lớn giữa mức lương của người lao động đơn giản và thu nhập của các thành viên ban điều hành cấp cao.

⇒302 f. ⇒2434 ⇒332

những người đến sau chúng ta cũng có thể sống được. Xét cho cùng, trái đất không chỉ gồm các tuyến đường sắt và đường phố, mà còn có cả đất nông nghiệp, v.v ... Phải có được sự cân bằng giữa nhu cầu của nông dân và thợ xây dựng đường xá. Phải có sự công bằng giữa những người sử dụng đất đai.


ĐHY PETER TURKSON, (sn. 1948), Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, cuộc phỏng vấn 24/01/2013

! BÓC LỘT TIỀN LƯƠNG

Việc chủ ý ấn định tiền lương ở mức thấp hơn thông lệ hay mức lương hợp lý là việc làm có thể gây nguy hại đến đời sống của người lao động.

” Người yếu thế lúc nào cũng lo lắng về công bằng và bình đẳng. Kẻ thế lực chẳng hề để tâm đến cả hai điều ấy.

ARISTOTLE (384-322 TCN)

 Anh em không được bịt mõm con bò đang đập lúa.

Dnl 25: 4

” Bởi tôi muốn có nhiều tiền nên tôi không trả lương cao; đúng ra là, vì tôi trả lương cao nên tôi có nhiều tiền.

ROBERT BOSCH (1861-1942), nhà công nghiệp Đức và nhà phát minh, chủ doanh nghiệp gương mẫu

” Một cuộc đình công không gây được sức ép kinh tế sẽ không phải là đình công, nhưng đúng hơn là ăn xin tập thể.

JÜRGEN PETERS, Chủ tịch IG-Metall, công đoàn lớn nhất của Đức

156

Tầm quan trọng của công đoàn lao động như thế nào?

Chính vì do sự mất cân bằng quyền lực giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, nên đôi khi người lao động cần phải củng cố lực lượng của họ trong công đoàn. Bằng cách này, họ có thể bảo vệ lợi ích chung của mình bằng sự đoàn kết liên đới với nhau. Quyền thành lập công đoàn lao động là một nhân quyền, mà không ai phải trải nghiệm những hậu quả bất lợi vì họ là thành viên của một công đoàn hoặc tham gia vào các hoạt động công đoàn hợp pháp.

⇒ 305-307

157

Người lao động có được phép đình công không?

Ở mức độ nào đó, chủ sử dụng lao động và người lao động theo đuổi các lợi ích trái ngược nhau, ví dụ như khi thảo luận về mức lương và thời gian làm việc trong tuần. Để giải quyết những vấn đề này một cách thỏa đáng cho cả đôi bên, phải có các cuộc thương thảo giữa hai bên. Vì mục đích này, người lao động cần được công đoàn đại diện cho họ. Đình công là một phương pháp quan trọng, nhờ đó công đoàn có thể tạo áp lực với chủ sử dụng lao động trong các cuộc đàm phán. Phương thức này hợp pháp, nếu nó được áp dụng một cách ôn hòa và cốt để cải thiện lương bổng và điều kiện làm việc. Các cuộc đình công không được mâu thuẫn với lợi ích chung. Các dịch vụ cộng đồng cần thiết (ví dụ, cảnh sát trật tự, sở cứu hỏa, chăm sóc người ốm) không bao giờ được để các cuộc đình công trở nên suy yếu.

⇒ 307 ⇒ 2435



Lợi dụng tình trạng nghèo khó hay cơ bản của công nhân, và trục lợi trên sự túng quẫn của người khác là phạm đến giáo luật và pháp luật, nên là một việc đáng kết án. Cướp công mồ hôi của công nhân là tội ác thấu trời.

ĐGH LÊÔ XIII (1810-1903), RN 20



Các Giám Đốc Điều Hành (CEO - Chief Executive Officer) người Mỹ thường vẫn cho rằng tầng lớp lao động tự nhiên vốn là kẻ tử thù của quản đốc. Đó là lối suy nghĩ lỗi thời, còn tôi lại muốn người lao động hiểu rõ được các hoạt động bên trong công ty.

LEE IACOCCA (sn.1924), Giám đốc điều hành công nghiệp ô tô người Mỹ.



Điều gì một cá nhân không làm được thì cả tập thể có thể làm được.

FRIEDRICH WILHELM RAIFFEISEN (1818-1888), Thị trưởng Đức, nhà phát triển của chính sách nông nghiệp, người sáng lập Hợp tác xã Raiffeisen



Người dân không tuân theo nhà nước (bất tuân dân sự) trở thành một nghĩa vụ thiêng liêng khi nhà nước đã trở nên không còn tôn trọng pháp luật hoặc thối nát.

MAHATMA GANDHI (1869-1948)



Tuy nhiên, ngay cả trong các tình cảnh thời nay, đình công, dù là một phương tiện cuối cùng, song vẫn là phương tiện cần thiết để giúp bênh vực những quyền lợi của chính công

nhân và thỏa mãn những khát vọng chính đáng của họ.

Công đồng Vatican II, GS 68

” Một cuộc biểu tình, một cuộc xuống đường phản đối, đình công, hoặc bất tuân dân sự có thể là phương thế giải quyết các vấn đề, tất cả những phương cách ấy tùy vào tình hình thực tế lúc bấy giờ.

NELSON MANDELA (1918-2013), tổng thống đầu tiên của Nam Phi, bài báo 02/1958

Trích từ các văn kiện quan trọng của Giáo Hội

LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI

Tiền Lương và Tự Hữu

Điều chắc chắn không thể chối cãi là khi người lao động làm việc ăn lương thì mục đích và động cơ là kiếm được tài sản rồi giữ làm của cải cho riêng mình. Nếu một người làm mướn phải bỏ sức lực, tâm trí hoặc kỹ năng để làm cho kẻ khác, thì đối lại người ấy nhận được những thứ thỏa mãn cho nhu cầu đời sống mà họ nhắm đến. Do đó, cho thấy người làm công nhắm đến quyền lợi thật sự và đầy đủ chứ không chỉ tiền lương, và được tự do sử dụng số tiền ấy tùy ý mình. Thế nên, nếu họ nhịn ăn nhịn tiêu, dành dụm được một ít vốn, rồi muốn an toàn hơn, họ đem đầu tư đi mua đất chẳng hạn. Như thế, miếng đất ấy là tiền lương họ kiếm được dưới một dạng của cải khác. Miếng đất đã mua là của cải của người làm công và nên được toàn quyền sử dụng giống như toàn quyền tự do sử dụng tiền lương theo ý mình. Chính xác là có quyền sở hữu dù là động sản hay bất động sản. Cho nên, đổi quyền sở hữu cá nhân thành quyền sở hữu tập thể theo chủ nghĩa xã hội đề nghị là đánh vào quyền lợi của mọi người làm ăn lương, vì đã tước đoạt quyền tự do sử dụng đồng lương theo ý mình và vì thế, tước đoạt đi cả hy vọng và cơ hội làm tăng thêm các nguồn lực và nâng cao đời sống của họ. Nhưng quan trọng hơn cả, thực tế là giải pháp chủ nghĩa xã hội đề nghị, rõ ràng là trái ngược với công lý. Vì mọi người tự nhiên đều có quyền sở hữu tài sản làm của cải riêng cho mình.

ĐGH LÊÔ XIII, Thông Điệp Rerum Novarum (1891), 4

Phải chăng giữa Kẻ giàu và Người lao động không có chung lợi ích?

Cần xem lại sai lầm lớn khi cho rằng: hai giai cấp xã hội giàu có và lao động tự nhiên vốn đã thù ghét nhau. Vì bản chất đã định cho kẻ giàu sang, người lao động xung đột với nhau. Tư tưởng này vô lý và sai lầm cho đến nỗi nó trái ngược hẳn với sự thật. Thân thể con người có các chi thể sắp xếp theo cách làm cho nó có hai bên cân xứng. Xã hội cũng vậy. Bản chất giai cấp có khác nhau, nhưng hai giai cấp phải sống hòa hợp với nhau trong một thể quân bình hoàn hảo. Giai cấp này cần giai cấp kia.

ĐGH LÊÔ XIII, Thông Điệp Rerum Novarum (1891), 15

Người Lao Động Không Phải Là Nô Lệ

Kẻ giàu và chủ sử dụng lao động phải có nghĩa vụ liên đới sau: không được coi người làm công như thể là kẻ nô lệ mà phải tôn trọng nhân phẩm tự nhiên, và nhất là nhân phẩm Kitô hữu của họ. Những kẻ ấy phải nhớ rằng lao động xét theo lẽ tự nhiên và giáo lý Kitô giáo không phải là điều đáng xấu hổ nhưng là đáng khen ngợi vì lao động là cách kiếm sống đáng trân trọng. Nhưng nếu lạm dụng người làm công như thể họ chỉ là công cụ thu lợi, vì chỉ đánh giá họ tùy theo năng lực bấp bênh chân tay là điều đáng xấu hổ và vô nhân đạo. Công lý còn buộc chủ nhân tôn trọng quyền lợi thiêng liêng và chức phẩm phần hồn của công nhân nữa. Vì thế, chủ nhân phải làm thế nào để công nhân đủ thời giờ làm trọn phận sự tôn giáo, để công nhân khỏi bị cám dỗ và sa vào trụy lạc, dẫn đến bỏ bê nhà cửa gia đình và tiêu xài hoang phí. Hơn nữa, chủ nhân cũng bị cấm bị cấm ngặt không được bắt công nhân làm những việc quá sức, không hợp với tuổi tác và giới tính của họ.

ĐGH LÊÔ XIII, Thông Điệp Rerum Novarum (1891), 16

Bất Công Đã Kêu Thấu Tới Trời

Chủ nhân giàu có và tất cả giới chủ lao động phải nhớ điều này là: Lợi dụng tình trạng nghèo khó túng cực hay bần khổ của công nhân mà xử ép họ, là phạm đến giáo luật và pháp luật, nên là một việc đáng kết án. Cướp công mồ hôi của công nhân là tội ác thấu trời.

ĐGH LÊÔ XIII, Thông Điệp Rerum Novarum (1891), 17

Chúa Giêsu Là Người Lao Động

Còn những người không được phú bẩm đời sống giàu có, thì nên học với Giáo Hội rằng: theo cái nhìn của chính Thiên Chúa, sự bần cùng không phải là một sự ô nhục. Đổ mồ hôi mà kiếm ăn cũng không phải là hổ ngươi. Chính Chúa Kitô đã nêu gương cho anh em bắt chước. Dù đã giàu có vô cùng, Người cũng tự ý làm người bần cùng để cứu nhân loại. Dù Người là Con Thiên Chúa, cùng một thiên tính với Thiên Chúa, Người cũng chọn để thiên hạ đón nhận là con của một người thợ mộc. Hơn thế nữa, cũng chẳng chê bỏ mà trải qua phần lớn cuộc đời của chính Người cũng làm thợ mộc.

ĐGH LÊÔ XIII, Thông Điệp Rerum Novarum (1891), 20

Lao Động và Nhân Vị

Lao động ... không được coi chỉ là một món hàng, mà là hoạt động của con người cách đặc biệt. Đối với phần đa số nhân loại, lao động của con người là sinh kế độc nhất. Bởi thế không thể để mức lương của công nhân tùy thuộc vào thị trường. Phải định lương cho người lao động theo luật công bằng và bình đẳng.

ĐGH Gioan XXIII, Thông Điệp Mater et Magistra (1961), 18

Lao Động và Sự Phát Triển Con Người

Tùy theo phận vụ và năng suất của mỗi người cũng như tình trạng của nhà máy, xí nghiệp và công ích, việc làm cần phải được trả lương sao cho con người có đủ khả năng lo liệu cho mình và gia đình một đời sống xứng hợp cả về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa cũng như tinh thần.

Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Gaudium et Spec (1965), 67

Lao Động – Hoạt Động Cơ Bản của Con Người

Giáo Hội xác tín rằng lao động mang một chiều kích cơ bản trong đời sống của con người trên trái đất. Niềm tin ấy càng thêm vững chắc nhờ căn cứ vào toàn bộ di sản của các ngành khoa học nghiên cứu về loài người như: nhân loại học, cổ sinh vật học, sử học, xã hội học, tâm lý học v.v... tất cả các ngành khoa học ấy hầu như chứng minh thực tại đó một cách hết sức chắc chắn; tuy nhiên, trước hết Giáo Hội có được niềm xác tín đó nhờ vào Lời Mạc Khải của Thiên Chúa, và vì thế niềm xác tín của Giáo Hội vừa là một niềm xác tín của tri thức vừa là một niềm xác tín của đức tin. Lý do là vì – cũng nên lưu ý ở đây - Giáo Hội tin tưởng vào con người: Giáo Hội nghĩ tới con người, ngỏ lời với con người, không những dựa vào ánh sáng của kinh nghiệm lịch sử

hoặc dựa vào các phương pháp của tri thức khoa học, mà nhất là còn dựa vào Lời Mạc Khải của Thiên Chúa hằng sống.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 4

Con Người là Chủ Thể của Lao Động

Con người phải chế ngự trái đất, phải bắt nó phục tùng, vì họ là “hình ảnh của Thiên Chúa”, họ là con người có phẩm giá, nghĩa là một chủ thể, một chủ thể có khả năng hành động một cách có kế hoạch và hợp lý, có khả năng tự quyết định và hướng tới sự thành tựu của bản thân mình.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 6

Lao Động Ủng Hộ Con Người

Mặc dù có đúng mấy đi chăng nữa, rằng con người được chỉ định và kêu gọi lao động, nhưng trước hết có lao động là “vì con người” chứ không phải con người sinh ra cốt “để lao động” ... Mỗi công việc đó phải được đánh giá trước hết căn cứ vào *tầm vóc giá trị* của chủ thể của chính công việc, nghĩa là giá trị của cá thể, của *con người thực hiện công việc ấy*... Phân tích cho đến cuối cùng, *mục đích của lao động* - dù là công việc hết sức hèn mọn, một lao động cực kỳ đơn điệu xét theo bậc thang giá trị thông thường, một lao động tầm thường nhất - mục đích ấy bao giờ cũng là chính con người.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 6

Lao Động và Nghề Nghiệp

Lao động là nền tảng xây dựng *đời sống gia đình* lại là một quyền tự nhiên và là thiên chức của con người. Hai phạm vi giá trị này - một phạm vi gắn liền với lao động, một phạm vi phát xuất từ tính chất gia đình của đời sống con người, phải liên kết với nhau và ảnh hưởng tới nhau một cách đúng đắn. Có thể nói, lao động là điều kiện giúp cho gia đình có thể thành hình, vì muốn tồn tại, gia đình phải có những phương tiện sinh sống mà con người phải nhờ lao động mới có được. Lao động và chăm chỉ cần cù là hai yếu tố có ảnh hưởng đến nền giáo dục trong gia đình, chính vì lý do mỗi người được “nên người” là nhờ nhiều yếu tố, mà làm việc là một trong những yếu tố đó, và được nên người chính là mục đích chính yếu của cả tiến trình giáo dục.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 10

Tiền Lương Xứng Đáng là một Tiêu Chuẩn của Công Bằng

Trong bất cứ chế độ nào, và dù các quan hệ căn bản giữa tư bản và lao động ra sao, thì đồng lương, nghĩa là *việc trả lương cho lao động* vẫn là *đường lối cụ thể* để đại đa số loài người được hưởng những của cải dành cho mọi người, kể cả của cải thiên nhiên hay của cải do sản xuất tạo ra. Người lao động có thể với tới cả hai của cải đó nhờ đồng lương mà họ được hưởng coi như công xá trả nợ cho công việc của họ. Xuất phát từ đó, ta có thể nói: trong mỗi trường hợp, đồng lương xứng đáng là một *chứng nghiệm cụ thể của xã hội công bằng*. Lẽ tất nhiên đây không phải là cách chứng nghiệm duy nhất, nhưng đây là cách chứng nghiệm quan trọng và có thể nói là chủ chốt.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Laborem Exercens (1981), 19

Lời Khen Ngợi Công Đoàn

Sau cùng, phải tôn trọng thời khóa biểu sinh sống của “*con người*” trong việc lao động và nghỉ ngơi cũng như quyền bày tỏ nhân cách của họ trong những môi trường lao động mà không được xâm phạm đến lương tâm và phẩm giá của họ bất cứ cách nào. Cũng nên nhắc đến vai trò của các nghiệp đoàn, vai trò của nghiệp đoàn không phải chỉ là để thương lượng, mà còn là những “*môi trường*” để người làm việc bày tỏ nhân cách: các nghiệp đoàn hữu ích cho việc phát triển một nền văn hóa đích thực về lao động, và giúp cho người lao động tham gia vào sinh hoạt của xí nghiệp một cách hoàn toàn nhân bản.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Centesimus Annus (1991), 15

Tình Trạng Thất Nghiệp và Sự Loại Trừ Ra Khỏi Xã Hội

Ngày nay mọi thứ đều theo luật cạnh tranh và luật sinh tồn của kẻ thích hợp nhất, ở đó những kẻ có quyền lực chèn ép những người yếu thế. Hậu quả là vô số người bị loại trừ và bị gạt ra bên lề: không việc làm, không phương tiện, không có bất kỳ lối thoát nào. Chính con người bị coi là món hàng tiêu thụ sử dụng rồi vứt bỏ. Chúng ta đã tạo ra một văn hoá “vứt bỏ” hiện đang lan rộng. Không còn đơn thuần là vấn đề bóc lột và áp bức, mà là một vấn đề mới. Rốt cuộc thái độ loại trừ làm thay đổi ý nghĩa của tư cách là thành phần của xã hội chúng ta đang sống; những người bị loại trừ không còn là phần thấp hèn của xã hội hay bên lề hay bị tước quyền trong xã hội – họ không còn là thành phần của xã hội nữa! Những người bị loại trừ không phải là những người “bị bóc lột” mà là những người bị gạt ra ngoài, những “đồ thừa”.

ĐGH Gioan Phaolô II, Thông Điệp Evangelii Gaudium, 53

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

CHÚA KÊU GỌI MỌI NGƯỜI CỘNG TÁC VỚI NGƯỜI (CHÚA NHẬT XXV MÙA THƯỜNG NIÊN – NĂM A)

* Để nghe trên Youtube:



<https://youtu.be/Baf9BHde1UI>

- Trang Chủ của kênh:

<https://youtube.com/@loichualaanhsang>

- Quý vị có nhu cầu nhận bài suy niệm hàng tuần qua email, xin liên lạc trực tiếp với:

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa: vuthaihoa2@gmail.com

Chúa nhật XXV Mùa Thường Niên – Năm A

Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo Thánh Matthêu (20,1-16a)

Khi ấy, Chúa Giêsu phán cùng các môn đệ dụ ngôn này rằng: "Nước trời giống như chủ nhà kia sáng sớm ra thuê người làm vườn nho mình. Khi đã thoả thuận với những người làm thuê về tiền công nhật là một đồng, ông sai họ đến vườn của ông. Khoảng giờ thứ ba, ông trở ra, thấy có những người khác đứng không ngoài chợ, ông bảo họ rằng: "Các người cũng hãy đi làm vườn nho ta, ta sẽ trả công cho các người xứng đáng". Họ liền đi. Khoảng giờ thứ sáu và thứ chín, ông cũng trở ra và làm như vậy.

Đến khoảng giờ thứ mười một ông lại trở ra, và thấy có kẻ đứng đó, thì bảo họ rằng: "Sao các người đứng nhưng không ở đây suốt ngày như thế?" Họ thưa rằng: "Vì không có ai thuê chúng tôi". Ông bảo họ rằng: "Các người cũng hãy đi làm vườn nho ta".

Đến chiều chủ vườn nho bảo người quản lý rằng: "Hãy gọi những kẻ làm thuê mà trả tiền công cho họ, từ người đến sau hết tới người đến trước hết." Vậy những người làm từ giờ thứ mười một đến, lãnh mỗi người một đồng.

Tới phiên những người đến làm trước, họ tưởng sẽ lãnh được nhiều hơn, nhưng họ cũng chỉ lãnh mỗi người một đồng. Đang khi lãnh tiền, họ lẩm bẩm trách chủ nhà rằng: "Những người đến sau hết chỉ làm có một giờ, chúng tôi chịu nắng nôi khó nhọc suốt ngày mà ông kể họ bằng chúng tôi sao"? Chủ nhà trả lời với một kẻ trong nhóm họ rằng: "Này bạn, tôi không làm thiệt hại bạn đâu, chớ thì bạn đã không thoả thuận với tôi một đồng sao?" Bạn hãy lấy phần bạn mà đi về, tôi muốn trả cho người đến sau hết bằng bạn, nào tôi chẳng được phép làm như ý tôi muốn sao? Hay mắt bạn ganh tị, vì tôi nhân lành chăng? Như thế, kẻ sau hết sẽ nên trước hết, và kẻ trước hết sẽ nên sau hết".

Bài chia sẻ Tin Mừng của Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

Chúa kêu gọi mọi người cộng tác với Người

Sau khi nghe bài Tin Mừng Chúa nhật hôm nay, chắc ai trong chúng ta cũng thấy ông chủ làm vườn nho đối xử không công bằng với những người làm thuê: người làm ít cũng như người làm nhiều đều nhận tiền lương như nhau. Bình thường ở ngoài đời, nếu ông chủ hành động như vậy, thế nào công nhân cũng sẽ biểu tình hoặc đình công để phản đối vì sự bất công này!

Nhưng ngay từ đầu, Chúa Giêsu đã xác định đây chỉ là một dụ ngôn: "*Nước Trời giống như chuyện gia chủ kia...*". Dụ ngôn này nói về Chúa và về Nước Trời chứ không phải là một bài diễn thuyết xã hội để xác định tiền lương hoặc để giải quyết các xung đột xã hội trong các xí nghiệp. Dụ ngôn cũng nói về sự khác biệt giữa Thiên Chúa và con người. Trong bài đọc I, Chúa phán: "*Tư tưởng của Ta không phải là tư tưởng các người, và đường lối các người không phải là đường lối của Ta.*"

Điểm chính yếu của dụ ngôn đó là: Thiên Chúa tốt lành, và lòng quảng đại không tính toán của Người vượt xa trí tưởng tượng của con người. Người tốt lành ngay cả với những người không xứng đáng lãnh nhận sự tốt lành đó. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải từ bỏ lối suy nghĩ hợp lý theo kiểu: tôi cố gắng làm việc lành, ăn ở phúc đức, chấp nhận hy sinh, chịu đau khổ... thì đương nhiên Chúa phải yêu thương tôi, sẽ trả công cho tôi và cho tôi vào Nước Trời.

Những người thợ làm việc ngay từ sáng sớm cần nhàn vì họ cũng chỉ lãnh được mỗi người một quan tiền, là mức lương đã được thoả thuận của một ngày làm việc. Những người

thợ này tượng trưng cho những người tự cho mình có quyền được ưu tiên, được hưởng nhiều quyền lợi trước mặt Chúa vì những cố gắng của họ. Vì thế họ ngạc nhiên và bất mãn trước thái độ ưu ái mà Chúa Giêsu dành cho những người tội lỗi, như thể ơn cứu độ chỉ dành cho những người đạo đức, thánh thiện như họ.

Khi kể lại dụ ngôn của Chúa Giêsu, có lẽ thánh Máttêu muốn ám chỉ Giáo Hội vào thời đại của ngài: “những kẻ đứng đầu” là những người Do Thái, là dân được Chúa tuyển chọn; còn “những kẻ đứng chót” là những người ngoại giáo mới được gia nhập vào dân Chúa.

Nhưng dù là dân tuyển chọn hay dân ngoại, họ đều được kêu gọi để trở nên dân của Chúa. Vì thế, dụ ngôn này không có ý hạ bệ “những kẻ đứng đầu” xuống thành “những kẻ đứng chót”, nhưng nhấn mạnh sự tốt lành vô biên của Thiên Chúa dành cho hết mọi người.

Dụ ngôn kể chuyện ông chủ vườn nho ra ngoài chợ bốn lần trong ngày để mướn thợ làm việc. Ông chủ vườn nho chính là Thiên Chúa. Trong suốt dòng lịch sử con người, qua mọi thời đại, Thiên Chúa luôn ra đi tìm kiếm con người thuộc mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi và trong mỗi giờ phút của cuộc sống. Người mời gọi mọi người vào làm việc trong vườn nho của Người, nghĩa là tham gia vào dân Chúa.

Tuy nhiên, không phải tất cả đều đáp lại lời mời gọi của Chúa cùng một lúc hoặc cùng một cách thức như nhau. Một số người đã lãnh nhận đức tin ngay từ lúc lọt lòng mẹ và được lớn lên trong môi trường tôn giáo thuận lợi, họ là những người “đạo dòng”, “đạo gốc”. Những người này được xem như những người thợ của giờ đầu tiên. Họ sẽ lãnh phần lương của mình như lời Chúa hứa. Những người thợ được chủ vườn nho gọi vào giờ sau chót, đó là những người ngoại giáo đáp lại lời mời gọi của Chúa, và họ cũng sẽ lãnh phần lương của mình như những người thợ của giờ đầu tiên. Sự rộng rãi của ông chủ vượt quá sức tưởng tượng của họ, và họ biết mình bất xứng trước những gì được lãnh nhận. Nhưng còn những người của giờ thứ nhất, những người “đạo dòng”, “đạo gốc”, liệu họ có biết rằng những gì họ được lãnh nhận không phải do công trạng của họ mà hoàn toàn do tình yêu thương không của Chúa hay không?

Vẫn còn nhiều người chưa khám phá ra tình yêu của Chúa, nhưng họ cũng luôn được Chúa kêu mời, dù suy nghĩ và hoàn cảnh của họ có như thế nào đi nữa. Vì thế, chúng ta đừng bao giờ tuyệt vọng về sự cứu rỗi của chúng ta cũng như của những người mà chúng ta có trách nhiệm. Chúa mời gọi mỗi người theo cách của Người, điều mà chúng ta không thể hiểu thấu được.

Tháng chín, sau kỳ nghỉ hè, đối với nhiều giáo xứ, nhiều cộng đoàn, nhiều hội đoàn, nhiều nhóm, là thời kỳ bắt đầu sinh hoạt lại. Chúa vẫn tiếp tục đi ra và mời gọi. Chúa đi trước chúng ta. Chúa tìm kiếm chúng ta. Người kêu mời mọi lứa tuổi. Vì thế, không bao giờ trễ khi đáp lại lời mời gọi của Chúa.

“Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho!”. Chúa vẫn luôn mời gọi mỗi người chúng ta vào làm vườn nho của Chúa. Chung quanh chúng ta có biết bao việc đang chờ sự dấn thân của chúng ta: trong gia đình, trong giáo xứ, trong cộng đoàn, trong các hoạt động xã hội và nơi làm việc của chúng ta. Chúa biết những khả năng và giới hạn của mỗi người chúng ta, nhưng Chúa cần một chút thiện chí của chúng ta để cộng tác với Người. Đừng quên rằng Chúa luôn ở với chúng ta. Người sẽ ban ơn, thêm sức và ban niềm vui cho chúng ta trong việc phục vụ anh chị em của mình.

Xin cho mỗi người chúng ta hôm nay nghe được lời mời gọi một cách rất riêng tư của Chúa: “cả con nữa, hãy vào làm vườn nho của ta”. Và ước gì chúng ta cũng sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Chúa một cách thật quảng đại. Amen.

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

VỀ MỤC LỤC

CÔNG CỤ CỦA LỜI

QUÀ TẶNG TIN MỪNG:

KÍNH THÁNH MATTHÊU, TÔNG ĐỒ,
TÁC GIẢ SÁCH TIN MỪNG, Thứ Năm 21/9

CÔNG CỤ CỦA LỜI

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ



Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3Pvo1O6>

Chúa Giêsu thấy một người ngồi ở bàn thu thuế, tên là Mátthêu, và Ngài bảo ông: “Hãy theo Thầy”. Ông liền đứng dậy đi theo Ngài. (Mt 9, 9).

Một thương gia rất hài lòng với chiếc phong vũ biểu tốt nhất vừa sưu tầm; nhưng về đến nhà, ông vô cùng thất vọng khi thấy chiếc kim của nó **có vẻ bị kẹt; nó chỉ vào ‘khoản bão’**. Lắc nó vài lần, chiếc kim vẫn kẹt! Ông bực bội ngồi xuống, viết một thư phàn nàn gửi cho cửa tiệm. Tối hôm sau, từ văn phòng trở về, **ông không tìm thấy chiếc phong vũ biểu; ngôi nhà cũng không!** Thì ra, **chiếc kim của nó chỉ đúng; rằng, đã có một trận cuồng phong!**



Kính thưa Anh Chị em,

Tin Mừng lễ thánh Matthêu không nói đến một ‘phong vũ biểu’; nhưng cách nào đó, nói đến một **‘la bàn!’**. Người tậu nó, không là một thương gia hoài nghi, nhưng là một **quan thuế cả tin!** **Matthêu luôn tin vào la bàn vốn luôn chỉ về Giêsu,** người gọi ông, **để ông trở nên một công cụ của ân sủng, ‘công cụ của Lời!’**.



Với ơn gọi của Matthêu, rõ ràng, sự thánh thiện của một người không đơn thuần là rời bỏ một quá khứ xấu, nhưng còn là **tham phần vào tình yêu và sự thánh thiện của Thiên Chúa**; cũng không chỉ là dứt mình ra khỏi một cái gì đó, nhưng **được biến đổi để trở nên một ‘ai đó’, một công cụ mà Thiên Chúa nhắm đến khi tạo dựng mỗi người để họ trở thành.**

Cũng thế, khi gọi bạn và tôi, Thiên Chúa không bao giờ đưa ra một tấm bản đồ; thay vào đó, một la bàn. **Bạn không nhìn thấy toàn bộ đường đi; đơn giản, chỉ biết phương hướng, và nó luôn chỉ về Giêsu.** Mỗi ngày, **Giêsu mời gọi chúng ta để mắt vào Ngài; từ đó, đi theo, chìm sâu hơn và tham phần vào tình yêu Ngài. Matthêu quả không biết đời mình thực sự sẽ ra sao, nhưng biết chắc nó phải bắt đầu từ đâu, và nó phải thay đổi! Matthêu tin rằng, Giêsu là người đáng để tin; tin đến nỗi, ông sẽ phó mình cho Ngài, mặc cho tương lai đùn đẩy. Matthêu đâu biết, rồi đây, ông sẽ là một công cụ sắc bén của Ngài, ‘công cụ của Lời!’.**



Niềm vui của Matthêu phớt phỡ qua bữa **tiệc mừng ‘vĩnh khấn’**. Ở đây, lời Khải Huyền thật thâm trầm, **“Này đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe Ta và mở cửa, Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với nó”**. Matthêu có thể nói ‘không’, ‘chưa’, hoặc ‘không phải bây giờ’; và nếu đã có một sự từ chối, hẳn đã không có bữa tiệc tối nào và do đó, bạn bè ông đã bỏ lỡ cuộc gặp thân mật với Chúa Giêsu, **một lần gặp biết đâu đã thay đổi vĩnh viễn một số cuộc đời trong họ. Bằng việc thưa “vâng” của Matthêu, Giêsu đã có thể chạm vào cuộc sống của ông và của những người khác mà ông đã là ‘công cụ của Lời’ ngay từ phút đầu.**

Anh Chị em,

“Ông đứng dậy đi theo Ngài”. Lời gọi đi theo Chúa Giêsu, trước hết, là **một lời mời hoán cải; tiếp đến, tham phần vào tình yêu và sự thánh thiện của Đấng mời gọi.** Matthêu đã trải nghiệm tiến trình đó suốt cả đời mình; đã trở nên một phong vũ biểu, một la bàn chính xác cho hậu thế với **chiếc kim luôn ‘kẹt’ ở ‘khoản Giêsu’**. Không chỉ báo cho người khác có một trận cuồng phong, nhưng **với Phúc Âm do tay mình viết ra, Matthêu còn chỉ ra một Đấng có**

uy quyền trên cả cuồng phong, cuồng phong thiên nhiên, cuồng phong tâm hồn. Như Matthêu, bạn và tôi được gọi để trở nên một phong vũ biểu, một la bàn, **một ‘công cụ của Lời’ cho tha nhân, cho thế giới, với một điều kiện duy nhất, luôn chỉ đúng hướng!**

Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, trong mọi đáng bậc, Chúa gọi con để trở nên **một công cụ yêu thương của Lời.** Đừng để con trở nên một **công cụ tội, rẻ tiền; và tệ hơn, chỉ bậy!**”, Amen.

(**lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: minhanhhue06@gmail.com – xin cảm ơn).

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ

Hẹn gặp lại

NĂM BÀI GIẢNG TRONG TIN MỪNG MÁTTHÊU

Năm Bài Giảng được thánh Mátthêu sắp xếp thật tài tình giữa những việc Đức Giêsu làm và những lời Đức Giêsu dạy, như một chiếc bánh mì kẹp thịt năm tầng mà thánh Mátthêu đã dọn ra và kêu mời chúng ta đến thưởng thức:

(1) Bài Giảng Trên Núi (chương 5 đến 7)

(2) Bài Giảng về Sứ Mạng Truyền Giáo (chương 10)

(3) Bài Giảng bằng Dụ Ngôn (chương 13)

(4) Bài Giảng về Hội Thánh (chương 18)

(5) Bài Giảng về Thời Cảnh Chung (chương 24 đến 25)

VỀ MỤC LỤC

Sự ghen tị (CN-25A)

Trong bài điệu văn ca tụng Rabbi Boun Bar Hijja cách đây gần 2000 năm, người ta đã ví Rabbi Boun bằng một dụ ngôn như thế này :

Có một vị vua kia thuê nhiều người làm công vào phục vụ cho mình. Trong số đó có một người làm việc tích cực hơn. Vua nhìn thấy. Vua liền đưa anh ta đi đi lại lại dạo chơi với vua. Đến chiều, khi trả tiền công, anh này cũng được trả bằng với các người làm công từ sáng tới chiều. Thấy vậy họ phàn nàn: chúng tôi mệt mỏi suốt ngày, còn anh này chỉ làm hai giờ mà cũng được trả công như chúng tôi sao ? Vua đáp : *Đó là vì hai giờ làm của anh ta, công việc hoàn tất còn nhiều hơn các anh làm cả ngày.* Bài điệu văn kết : Cũng vậy Rabbi Boun học luật cho tới tuổi

hai mươi lăm, nhưng thông biết am tường còn hơn cả một nhà thông thái hay một nhà đạo đức có khi đã phải học tới tuổi một trăm !

Có lẽ Chúa Giêsu cũng đã biết bài điều văn viết dưới hình thức dụ ngôn trên, được lưu truyền trong sách Talmud, nên Ngài cũng dạy chúng ta một dụ ngôn mà nghe qua ta thấy có vài nét giống giống. Nhưng xét kỹ thì khác xa: Nét giống giống là trả lương bằng nhau : làm hai giờ bằng làm cả ngày, tương đương với làm từ sáng, hoặc từ trưa, hoặc từ ba, năm giờ chiều mà cũng được một đồng.

Nhưng cái khác chính yếu là *lý do* tại sao trả bằng nhau:

Ở dụ ngôn điều văn : 2 giờ làm việc của chàng kia cũng bằng và có khi hơn các người làm cả ngày : sự *công bằng*.

Ở dụ ngôn Chúa Giêsu : Tôi trả cho người làm có một giờ thôi cũng bằng bạn làm suốt ngày: tôi không có *quyền* sao ?

Và -câu này ý vị hơn- *hay bạn ghen tị vì tôi nhân lành chăng ?*

Ta sẽ bàn đề tài "ghen tị" với hai câu hỏi:

(1) Ghen tị là gì và (2) làm sao bớt ghen tị.

1. Ghen tị là gì ?

Mở tự điển "*sách*" hay tự điển "*sống*" (tức là quan sát cuộc đời), chúng ta chắc ai cũng hiểu được ghen tị là "*khó chịu, so bì với ai đó vì họ HƠN ta*". Cái chính là vì họ hơn ta. Chẳng ai ghen với kẻ thua ta.

Trong tình trường cũng vậy: ghen là khi ta đong đo, cân đếm ta thấy ta thua tình địch một cái gì đó. Hoặc là mặt con nhỏ đó sáng hơn, miệng nó nói có duyên hơn, hoặc nó giàu hơn hoặc thông minh hơn (nên chồng ta mới mê nó). Nếu nó xấu hơn, nghèo hơn, dốt hơn, ta chẳng thèm ghen, cứ để vậy cho chồng ta biết mùi, rồi lại quay về với ta thôi.

Do đó, bình thường khi đi đánh ghen là ta cố tìm cho ra điều hơn của tình địch để rồi diệt cái *hơn* đó. Khi nó hết hơn ta, ta hết ghen. Nó đẹp hơn ta: ta rạch mặt nó hoặc cho một muỗng acid đậm đặc vào ngay đôi má nó ! Nó giàu hơn ta, ta phá cho nó tan gia bại sản. Nó ăn nói có duyên, ta cắt lưỡi nó.

Cái đánh ghen của Trịnh Thị Dữu đời vua Sở đã được ghi như một điển tích trong sử sách.

Vua Sở (Hoài Vương) mới có một mỹ nữ do vua Ngụy tặng. Vua Sở rất yêu mỹ nữ này nên Trịnh Dữu (vợ vua Sở, hoàng hậu) rất ghen. Nhưng cái ghen của Trịnh Dữu vượt trên bài bản, không thấy ghi trong sách vở dạy cách đánh ghen phải làm như vậy. Bà vượt trên bài bản. Bà tỏ ra rất yêu chiều mỹ nữ: đồ trang sức đẹp, sắm cho mà mang; y phục lộng lẫy, may cho mà mặc. Khi vua và mỹ nữ tin rằng Trịnh Dữu yêu mỹ nữ không kém gì vua, thì bấy giờ Trịnh Dữu

mới ra tay. Trịnh Dữu nhỏ nhẹ nói với mỹ nữ là : "*vua yêu vẻ đẹp của em lắm, nhưng chỉ có cái mũi của em là vua không ưa, vậy khi gặp vua, em hãy che mũi lại*" ! Mỹ nữ nghe lời Trịnh Dữu. Gặp vua, mỹ nữ che mũi lại. Vua thấy lạ, mới hỏi Trịnh Dữu sao vậy ? (giả mà hỏi chính mỹ nữ, thì không nên nổi. Hỏi ngay Trịnh Dữu !) Trịnh Dữu nói : "*Thiếp biết tại sao rồi. Hình như nó không ưa cái mùi hôi của đại vương !*" Tức giận, vua ra lệnh cắt mũi mỹ nữ. Mỹ nữ mà không có mũi thì chẳng khác gì Chung Vô Diệm, chẳng khác gì người cùi đến giai đoạn cụt luôn sống mũi, thì còn đâu là mũi héch, mũi cao để mà héch mũi cao ngạo rằng mình đẹp nữa. Và thế là nó xấu hơn mình rồi, ghen làm gì nữa ?

Ca-in ghen với Abel vì cái hơn của Abel là Chúa nhận lễ vật của nó, còn của mình thì không, nên Cain đã giết Abel. Anh em Giuse ghen với Giuse vì cái hơn của Giuse là được cha cưng hơn, nên đã bèn với nhau bán quách nó đi cho lái buôn.

Tin Mừng hôm nay: những người làm công từ sớm, ghen với người làm công có một vài giờ mà cũng hưởng cùng một số tiền lương. Họ bốn mùa rong chơi quên lãng, mà cũng bằng mình vất vả xuân hạ thu đông. Họ ngồi mát mà cũng ăn bát vàng, ta không ghen tị sao được ? Vậy ghen tị là khó chịu vì ai đó *hơn* ta một cái gì.

2. Vậy làm sao để bớt ghen tị?

Ở đây ta chỉ trả lời dựa theo Dụ ngôn của Chúa trong bài Tin Mừng hôm nay.

Ghen tị là vì họ hơn ta. Vậy muốn bớt ghen tị thì phải nhìn cho rõ : họ *không* hơn ta.

a-Họ không hơn ta:

Ta là những người theo đạo từ nhỏ, giữ đạo từ bé. Thức khuya dậy sớm, lễ lạy ban mai, nói tắt: ta là người đi làm vườn nho từ sáng sớm. Còn họ là những người cả một đời ở ngoài đạo hoặc lớn lên mới phải giữ luật Chúa, hoặc gần chết mới ăn năn giống như tên trộm lành bên phải thập giá : cả một đời trộm cắp và cuối cùng còn ăn trộm được Nước Trời.

Ta ghen tị vì họ thành thời hơn ta. Thực ra họ *không* hơn ta đâu. Đó là cái ta tưởng vậy thôi, chứ thật ra *ta* hơn họ. Ta biết đạo Chúa sớm hơn họ. Ta an tâm hơn họ. Hay nói theo kiểu dụ ngôn: ta kiếm được việc làm trước họ, còn họ thất nghiệp cho đến trưa đến chiều làm sao họ hơn ta được. Mà họ không hơn ta, ta thêm gì ganh tị với họ, mà còn thương họ nữa.

b-Ta cũng như họ.

Nếu vừa rồi ta nói những người giữ đạo từ nhỏ là kẻ làm vườn nho từ sớm, còn những người sau này mới vào đạo là kẻ làm công lúc 5 giờ chiều. Thì bây giờ xét theo mặt lịch sử cứu độ: cả họ và ta đều là những người làm công giờ thứ 5 buổi chiều cả.

Bất cứ ai sống sau khi Chúa Giêsu sinh ra, chịu chết phục sinh, thì đều sống trong thời đại cuối cùng, sống trong giờ chót của lịch sử cứu độ. Các tổ phụ, các tiên tri, các hiền nhân thời

Cựu Ước mới là kẻ làm công từ sớm. Còn tất cả những ai sinh sau công nguyên, đều hưởng ân cứu độ cách nhưng không cả: cho dù là hưởng từ bé hay lớn rồi mới hưởng đều là những kẻ làm vườn nho giờ chót. Vậy có gì mà phải ganh tị khi họ và ta cũng như nhau.

Họ cũng như ta, lấy gì mà ganh. Họ không hơn ta, lấy gì mà ghen. Mình có ganh có ghen là ghen vì họ đạo đức hơn mình, họ bác ái hơn ta, để rồi cố ganh lên bằng họ. Vậy mới là tốt. Vậy mới là hay. Người ta gọi đó là cái ghen thánh thiện. Chứ ghen vì Chúa thương họ hơn ta thì không phải là cái ghen thánh. Câu ông chủ trong dụ ngôn là một câu hay để khuyên bảo nhau: Đừng ghen tị về lòng nhân từ của Chúa mà phải mừng vui vì Chúa nhân từ như thế đối với mọi người, nhất là những người tội lỗi.

Trong suốt chiều dài của kinh Tin Kính, chúng ta sẽ tuyên xưng người Cha toàn năng, thương xót yêu thương chúng ta vô cùng bằng những hành vi kỳ diệu, mà tột đỉnh là gửi Người Con duy nhất xuống trần để làm cho con người trần được làm con Chúa. Ai cũng bình đẳng trong phẩm giá làm con Chúa, không ai hơn ai, lấy gì mà ghen?

Lm Anphong Nguyễn Công Minh, ofm

VỀ MỤC LỤC

5 CÂU HỎI CHO MỘT BÀI GIẢNG LỄ TỐT



Lời Chúa là một mầu nhiệm, và thực tế đã cho thấy các Bài Giảng Lễ cũng trở thành một “mầu nhiệm” không kém. Thiên nghĩ, một Bài Giảng Lễ tốt, phải trả lời được các câu hỏi sau: (1) Bài Giảng Lễ có theo sát Phụng Vụ của ngày lễ hôm đó không? (2) Bài Giảng Lễ có quy hướng về Đức Kitô và Thập Giá Đức Kitô không? (3) Bài Giảng Lễ có sử dụng các phương tiện, cách thức, và phương pháp thích hợp để

truyền giảng Lời Chúa không? (4) Bài Giảng Lễ có theo những nguyên tắc chú giải chính thống của Hội Thánh không? (5) Bài Giảng Lễ có tính mục vụ với những chỉ dẫn thực hành cụ thể không?

Bài Giảng Lễ phải theo sát Phụng Vụ của ngày lễ hôm đó, bởi vì, tất cả các yếu tố của ngày lễ hôm đó đã được các nhà phụng vụ nghiêm túc lựa chọn, để làm nên một chỉnh thể thống nhất từ Ca Nhập Lễ, Lời Tổng Nguyện, Các Bài Đọc, Câu Xướng-Đáp Đáp Ca, Câu Tung Hô Tin Mừng... Không phải ngẫu nhiên, tình cờ, hay chọn đại mà có được một chỉnh thể thống nhất như thế. Nếu không theo sát Phụng Vụ, chúng ta sẽ dễ rơi vào tình trạng lười lĩnh trong việc suy niệm Lời Chúa: Chúng ta sẽ có một “bài tử”, chẳng hạn, “vâng lời Thầy con thả lưới”, rồi từ bài giảng “vâng phục” này, chúng ta sẽ có một “bài giảng vạm vỡ”, cứ hễ, gặp bất cứ bài Tin Mừng “vâng phục” nào, như về Đức Maria, thánh Giuse, Ápraham... chúng ta đều đem “bài tử” ra “chém gió”,

mà bắt chập bối cảnh của Phụng Vụ ngày lễ hôm đó. Lời Chúa là Bánh Hằng Sống, có đủ mọi mùi vị thơm ngon, chứ không chỉ có một mùi vị duy nhất.

Bài Giảng Lễ phải quy hướng về Đức Kitô và Thập Giá Đức Kitô, bởi vì, chúng ta được cứu độ là nhờ đức tin, nhưng, không phải đức tin chung chung, mà là, đức tin vào Đức Kitô; chúng ta được cứu độ là nhờ ân sủng, nhưng, không phải ân sủng chung chung, mà là, ân sủng của Đức Kitô. Do đó, nếu Bài Giảng Lễ không đá động gì tới Đức Kitô, không quy về Thập Giá của Đức Kitô, thì đó chỉ là một bài giảng luân lý thông thường: dạy ăn ngay ở lành, dạy sống các nhân đức: bác ái, khiêm nhường, biết ơn, tha thứ... Những bài giảng luân lý như thế chỉ mới dừng lại ở lời của con người, chứ chưa phải là Lời của Thiên Chúa.

Bài Giảng Lễ phải sử dụng các phương tiện, cách thức, và phương pháp thích hợp để truyền giảng Lời Chúa, bởi vì, nội dung có sâu sắc đến đâu, mà phương tiện, cách thức truyền tải kém, thì cũng không thể đạt được hiệu quả của một bài giảng tốt. Chẳng hạn, nói quá nhỏ, cộng đoàn không nghe được; hét quá to làm “đinh tai nhức óc” người khác; nói quá dài, lủng củng, rời rạc, không có ý tứ, không có bố cục rõ ràng làm cho người nghe cảm thấy buồn ngủ, nhàm chán. Những bài giảng như thế, chưa đạt được những nguyên tắc căn bản của việc truyền tải thông thường nữa, chứ đừng nói gì tới việc xác tín: “tin” điều mình đọc, “dạy” điều mình tin, “sống” điều mình dạy.

Bài Giảng Lễ phải tuân theo những nguyên tắc chú giải chính thống của Hội Thánh, bởi vì, Lời Chúa là một mầu nhiệm, có nhiều câu, nhiều đoạn rất khó hiểu, cần phải được chú giải. Một bài giảng có chú giải sẽ kích thích óc tò mò, gây hứng thú cho người nghe. Chẳng hạn, câu Lời Chúa: *“Những người thu thuế và những cô gái điếm sẽ vào Nước Thiên Chúa trước các ông”* (Mt 21,31). Nếu cụm từ “Nước Thiên Chúa” được chú giải để cho thấy một sự khác thường mà thánh sử Mátthêu cố ý dùng. Tin Mừng Mátthêu được viết cho người Do Thái với những kiêng kỵ về phạm úy, nên thánh nhân đã sử dụng từ “Nước Trời” (βασιλεία τῶν οὐρανῶν), thay vì, “Nước Thiên Chúa” (βασιλεία τοῦ θεοῦ). Cụm từ “Nước Thiên Chúa” chỉ được thánh Mátthêu sử dụng 4 lần trong suốt Tin Mừng của ngài (x. Mt 12,28; 19,24; 21,31; 21,43), và thánh Gioan cũng chỉ sử dụng 2 lần duy nhất (x. Ga 3,3.5). Chú giải được dụng ý của thánh Mátthêu khi cố tình dùng cụm từ “Nước Thiên Chúa” trong câu Thánh Kinh trên sẽ không chỉ: giúp người nghe có thêm được những hiểu biết sâu sắc về sứ điệp Tin Mừng, mà còn: làm cho bài giảng thêm phần phong phú, sinh động, và hấp dẫn người nghe.

Bài Giảng Lễ phải có tính mục vụ với những chỉ dẫn thực hành cụ thể, bởi vì, mục đích chính yếu của việc công bố và giảng giải Lời Chúa là giúp cho những người nghe biết: Chúa muốn nói gì với họ, mời gọi họ thực hành điều gì để làm đẹp ý Chúa, như Đức Giêsu đã nói: *Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy* (x. Ga 4,34). Lương thực là để nuôi sống, ăn Lời Chúa, làm theo những gì Chúa dạy, thì sẽ được sống. Do đó, bài giảng lễ cuối cùng phải đưa ra được những chỉ dẫn, những thực hành cụ thể, để sau Thánh Lễ, những người tham dự, khi trở về môi trường sống của mình, họ đem ra thực hành những gì mà sứ điệp Lời Chúa đã mời gọi họ. Một Bài Giảng Lễ nói đủ mọi điều, được góp nhặt từ mọi góc ngách, nhưng, không chốt được những gì chính yếu, và không đưa ra được những thực hành cụ thể, thì đó chỉ là một mớ hỗn độn vô dụng, thà là, một túp lều tranh mà còn che mưa che nắng được, chứ, đem bê tông, sắt, thép... về rồi để lộn xộn, thì chỉ là một đống “xà bần” không làm chi được.

Tóm lại, Thánh Kinh chỉ thực sự trở thành Lời Chúa, khi Thánh Kinh được đọc trong lòng Hội Thánh, nhất là, được cất lên trong Phụng Vụ Thánh. Ngoài Hội Thánh, Thánh Kinh chỉ là mớ giấy lộn, bởi vì, *văn tự, chữ viết thi giết chết, còn Thần Khí mới làm cho sống* (x. 2Cr 3,6). Lời Chúa là Thần Khí, là sự sống, chứ không phải là văn tự chết. Do đó, để một Bài Giảng Lễ thực sự trở thành một bài giảng giải Lời Chúa, chúng ta (1) phải đọc và suy niệm Lời Chúa trong bối

cảnh của Phụng Vụ, (2) phải quy hướng về Đức Kitô và Thập Giá của Ngài, (3) phải vận dụng những phương tiện và phương pháp thích hợp để truyền tải Lời Chúa, (4) phải đọc và suy niệm Lời Chúa theo truyền thống của Hội Thánh, chứ không theo chủ nghĩa Duy Thánh Kinh (Sola Scriptura), và cuối cùng, (5) phải rút ra được những bài học cụ thể mà Chúa muốn chúng ta thực hiện trong cuộc sống hằng ngày.

Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền, OSB.

VỀ MỤC LỤC

Bập bênh trên sông bao la... rằm trung thu, nhớ Lm - nhạc sĩ Phương Linh

Francis Assisi Lê Đình Bảng

Nguồn: <https://www.vanthocongqiao.net/>

Hôm mới rồi, kẻ viết bài này làm nhiệm vụ - thay cha mẹ nó bận đi làm ăn xa nhà – đón đưa cháu nội đang gửi học lớp chồi bán trú về. Trời Sài Gòn bỗng dưng mưa ào ào, ngập lụt cả sân trường. Ngồi chờ trong lớp, ngó quanh quất, thấy rất những đồ chơi bằng gỗ, bằng nhựa, đủ kiểu dáng, đủ sắc màu, nom cứ như là chợ trời. Lại có cả súng đạn, gươm đao, xe tăng, hỏa tiễn, siêu nhân, người dơi, người máy nữa... Tìm mãi, chẳng thấy chút bóng dáng gì của thiên nhiên như núi sông, trăng nước, loài vật, cỏ cây, hoa lá, mùa màng. Thăm nghĩ, thế giới trẻ thơ bây giờ cũng đang bị cuốn vào nhịp sống tốc độ vô cảm của đô thị-công nghiệp hóa của người lớn rồi. Hèn chi đám học trò con nít dám đặt bút viết câu mở đầu bài luận văn rất ư là tình bơ thế này "Nhà em có...nuôi...một...ông nội"!

Còn nhớ ngày xưa...không xa lắm, ở xứ đạo làng quê. Tuy cái ăn cái ở và cái may mặc, học hành sách vở chữ nghĩa có thiếu thốn khổ sở thật đấy, nhưng lúc nào cũng rất thông dong, thư nhàn và đầy ắp những kỷ niệm đẹp, không dễ gì phai tàn. Ký ức tuổi thơ ấy khởi đi và diễn ra ở những không gian, thời gian, bắt nguồn từ những sinh hoạt rất tự nhiên, dân dã, thật thà: Sân nhà, ruộng vườn, xóm đạo, nhà xứ, nhà thờ, đêm trăng, cấy cà, gặt hái, phơi phong, xay lúa, giã gạo, bán hàng, đi chợ, đi lễ, dâng hoa, rước kiệu, đánh chắt, đánh chuyền, ô quan, tập trận, thả diều... Thôi thì đủ trò đủ trống, mùa nào thứ nấy. Vừa chạy nhảy múa may, lại vừa ca hát líu lo có vắn có điệu hân hoan. Hết "thả đĩa ba ba", "cá sấu lên bờ", lại đến "rồng rắn lên mây" hoặc "ông giảng ông giảng xuống chơi với tôi", "thiên đàng địa ngục đôi bên"... Thôn trên xóm dưới, ngoài ngõ trong vườn nghĩa là cứ vang rền nện nẩy những trò chơi hấp dẫn, những bài đồng dao, những ca khúc tươi vui hồn hậu. Thành thử ra, tuổi thơ của bọn trẻ nhà quê chúng tôi cứ thấm đẫm những thơ, nhạc và cả kinh sách truyện văn nữa. Khói đưa còn tập "làm lễ" và

"khán dòng" ngay từ tấm bé xa lắc xa lơ ấy. Đẹp biết bao những trang sách vỡ lòng, những lời hát ru đầu đời nuôi dưỡng ơn gọi tu trì mỗi tháng mỗi năm lớn dần lên.

Cho đến nay, đầu đã trắng xóa hoa lau. Tôi vẫn không thể nào quên những đêm trăng vàng vạc hồi mới tản cư về Kiến An, đỗ nhờ nhà bác tôi ở ngay dưới chân núi Voi. Bầu trời đêm tháng 8 mùa Thu sáng như gương. Mấy đứa con nhà giàu ở xóm phố trên đang tung tăng rước đèn. Còn bọn trẻ nhà nghèo chúng tôi thì hẹn nhau ở sườn núi, rồi xếp hàng một, diễu hành về hang đá Đức Mẹ bên kia một con suối nước trong có hoa mẫu đơn mọc đầy. Lại bắt đầu bằng những trò chơi và theo nhau hát nghêu ngao những câu ca đã thuộc nằm lòng từ thuở nào: "*Một ông sao sáng, hai ông sáng sao; Bóng trắng trắng ngà, có cây đa to, có thằng Cuội già ôm một mối mơ; Ta yêu cô Hằng, đêm khuya xuống trần, một đàn con trai rủ đàn con gái ra ngồi nhìn trăng; Chú Cuội ngồi gốc cây đa / để trâu ăn lúa gọi cha ời ời / cha còn cắt cỏ trên trời / mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên...*" Và đặc biệt trong chùm ca khúc tuổi thơ dễ thương ấy, không đứa trẻ Việt Nam nào mà không thuộc những câu hát rộn ràng "*Đồng một lòng chúng ta cố chèo / Thật nhịp nhàng tay bơi tay lái / Mặc cho sông to sóng đưa... Bập bênh trên sông bao la / Bập bênh trên sông bao la...*" (1) Thuở ấy, chúng tôi chỉ hát theo nhau, rồi thấm sâu vào lòng đến tận ngày nay. Năm thì mười họa mới được chạm tay vào cây đàn banjo, alto hoặc mandoline, chứ đâu có được học hành thừa mứa như bây giờ. Chúng tôi đã được nuôi dưỡng bằng ca dao, đồng dao, vè vãn và cả những ca khúc trẻ trung dí dỏm của những tên tuổi lớn như Lê Thương, Phạm Duy, Hùng Lô v.v. Riêng ca khúc của linh mục-nhạc sĩ Rôcô Phương Linh vừa dẫn trên đây (2), theo tìm hiểu, đã đoạt giải khôi nguyên của Hội Khuyến Nhạc Việt Nam năm 1945, với phần thưởng là 12 vạn đồng tiền cụ Hồ.



Chuyện đã xưa, gần 70 năm rồi (1945-2012). Nhưng vẫn là một ký ức văn hóa khó quên của người Công giáo Việt Nam ở buổi hưng đông của nền tân nhạc vậy. Ở đấy, bên cạnh Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Xuân Khoát, Lê Thương, Phạm Duy, Thẩm Oánh, còn có Phaolô Đạt, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Thích, Hùng Lô, Hải Linh và Phương Linh.

【Gò Dầu, 7.2012, Lê Đình Bằng】

Chú thích:

(1) Ca khúc mang tên là Trung Thu Chèo Thuyền, 1945.

(2) Linh mục-nhạc sĩ Phương Linh (1921-1995) tên thật là Rôcô Trần Hữu Linh, quê quán ở

Thượng Kiệt, Kim Sơn, Ninh Bình (Phát Diệm), thụ phong linh mục năm 1949. Tác giả bài thánh ca rất sốt sắng và ai cũng thuộc **"Cầu Xin Chúa Thánh Thần"**.

VỀ MỤC LỤC

TÌNH YÊU LÀ QUAN TÂM, LÀ NÂNG ĐỖ

Chuyên đề:
SỨC MẠNH TÌNH YÊU
do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý
Peter Lê Văn Quảng phụ trách

62. TÌNH YÊU LÀ QUAN TÂM, LÀ NÂNG ĐỖ



Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/48osiM2>

BĂNG BÓ TRÁI TIM

Mùa Giáng Sinh năm 1960, có một cô bé 4 tuổi, rất dễ thương và cũng rất thông minh. Cô bé có tên Susie chạy đến ôm mẹ và hỏi:

- “Mẹ ơi, mẹ làm gì thế?”
- “Mẹ nấu súp cho cô Smith”.

Susie thắc mắc “Vì sao ạ?”

- **“Cô rất buồn. Con gái cô vừa chết”.** Chúng ta sẽ chăm sóc cô ấy một thời gian.
- “Tại sao lại phải thế hả mẹ?”
- **“Khi một người quá buồn, họ không thể làm tốt ngay cả những việc rất nhỏ như nấu ăn hay một số việc vặt khác.** Là hàng xóm với nhau, chúng ta phải giúp cô ấy. Cô sẽ

chẳng còn nói chuyện, ôm hôn con gái ... hoặc làm bất cứ điều gì thú vị như mẹ và con vẫn làm.
Susie, con rất thông minh. Có thể con sẽ nghĩ ra cách nào để giúp cô ấy”.

Nghe mẹ nói, Susie suy nghĩ rất nghiêm túc và tìm cách giúp cô Smith. Một lúc sau, bé đã ở trước cửa nhà cô và rụt rè bấm chuông. Cô Smith mở cửa:

- “Chào Susie, cháu cần gì?”.

Susie thấy giọng cô nhỏ, mặt cô trông rất buồn, như thể cô vừa khóc vì mắt cô hãy còn đỏ và mọng nước. Nén xúc động, Susie thì thầm:

- **“Mẹ cháu nói cô vừa mất con gái, cô rất buồn. Trái tim cô chắc hẳn đã bị thương”.**

Rồi Susie e dè xòe tay ra, trong lòng bàn tay cô bé là một cái băng y tế cá nhân.

- **“Cái này có thể băng cho trái tim bị thương của cô ...”**, Susie thêm: **“Cháu đã dùng vài lần và thấy rất tốt”.**

Cố gắng không bật khóc, Smith kinh ngạc, xúc động quỳ xuống ôm chặt Susie và nghẹn ngào:

- “Cám ơn cháu. Cháu yêu quý. Miếng băng ấy sẽ giúp cô rất nhiều”.

Miếng băng y tế cá nhân nhỏ bé, nhưng kỳ diệu của Susie, đã đem đến sự ấm áp cho trái tim tuyệt vọng của cô Smith. Từ đó, cô gài miếng băng vào một xâu chìa khóa và luôn mang theo, như một sự nhắc nhở là phải biết **quên đi nỗi đau và mất mát ... để sống.**



Sống trên đời, nhiều khi, **một quan tâm nho nhỏ mà một ai đó nhận được, đã biến đổi hẳn cuộc sống kẻ ấy.** Tôi và bạn chẳng phải là những nhân vật quan trọng lắm, nên trong mỗi ngày sống, có thể **chúng ta cũng gặp không ít những cơ hội nho nhỏ trong khi giao tiếp với người khác.** Ước mong những cơ hội be bé ấy, nếu chúng ta gởi đến những người đang cần sự giúp đỡ của chúng ta, kèm theo một chút quan tâm cũng be bé thôi thì thật là hay quá. **Nó có thể mang lại niềm vui lớn lao cho người khác!**

CÔ VẪN LÀ CÔ GIÁO TUYỆT VỜI CỦA ĐỜI CON

Đây là một câu chuyện đã xảy ra từ nhiều năm trước. Lúc đó, cô Thompson đang dạy tại trường tiểu học của thị trấn nhỏ tại Hoa Kỳ. Vào ngày khai giảng năm học mới, cô đứng trước những em học sinh lớp năm, nhìn cả lớp và nói **cô sẽ yêu tất cả các học sinh như nhau**. Nhưng thực ra cô biết mình sẽ không làm được điều đó bởi cô đã nhìn thấy cậu học sinh **Teddy Stoddard** ngồi lù lù ngay bàn đầu. Năm ngoái, cô đã từng biết Teddy và thấy cậu bé chơi không đẹp với bạn bè, quần áo thì lôi thôi lếch thếch, còn con người cậu bé thì lại quá bản thủ. “Teddy trông thật khó ưa.”

Chẳng những thế, **cô Thompson còn dùng cây bút đỏ vạch một chữ thật rõ đậm vào hồ sơ cá nhân của Teddy và ghi chữ F đỏ chói ngay phía ngoài** (chữ F là hạng kém).

Ở trường này, vào đầu năm học mỗi giáo viên đều phải xem thành tích của từng học sinh trong lớp mình có trách nhiệm. Cô Thompson đã nhét hồ sơ cá nhân của Teddy đến cuối cùng mới mở ra xem, và cô rất ngạc nhiên về những gì đọc được.

Cô giáo chủ nhiệm lớp 1 nhận xét Teddy như sau: **“Teddy là một đứa trẻ thông minh và luôn vui vẻ. Học giỏi và chăm ngoan... Em là nguồn vui cho người chung quanh”**.

Cô giáo lớp 2 nhận xét: **“Teddy là một học sinh xuất sắc, được bạn bè yêu quý nhưng có chút vấn đề vì mẹ em ốm nặng và cuộc sống trong gia đình thật sự là một cuộc chiến đấu”**.

Giáo viên lớp 3 ghi: **“Cái chết của người mẹ đã tác động mạnh đến Teddy. Em đã cố gắng học, nhưng cha em không mấy quan tâm đến con cái, và đời sống gia đình sẽ ảnh hưởng đến em nếu em không được giúp đỡ”**.

Giáo viên chủ nhiệm lớp 4 nhận xét: **“Teddy tỏ ra lãnh đạm và không tỏ ra thích thú trong học tập. Em không có nhiều bạn và thỉnh thoảng ngủ gục trong lớp”**.

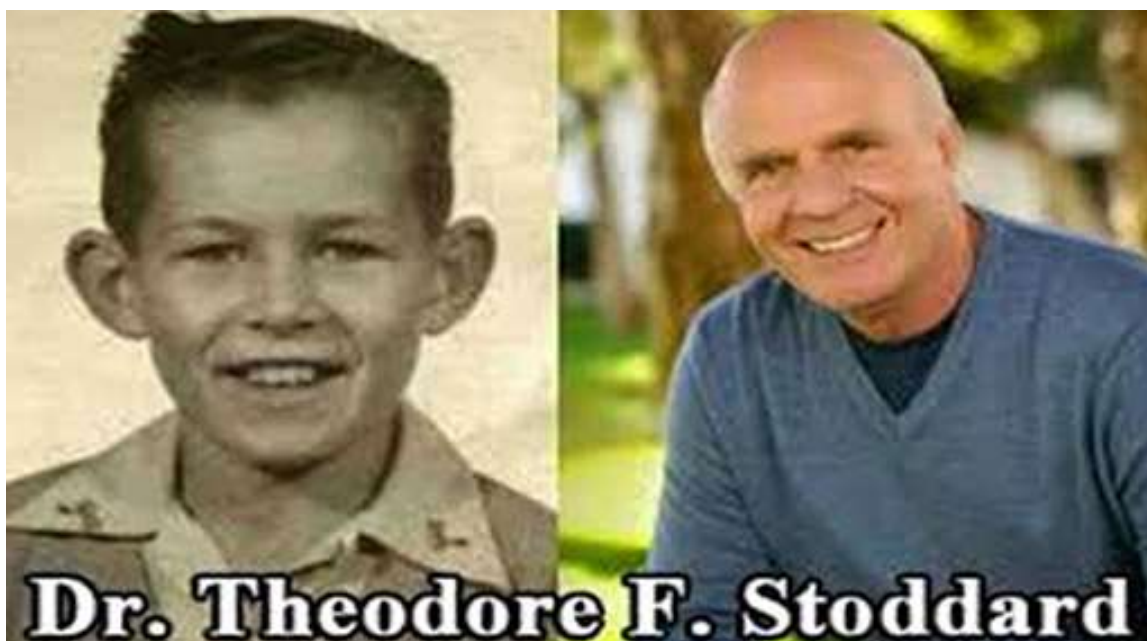
Đọc đến đây, cô Thompson chợt hiểu ra vấn đề và cảm thấy tự hổ thẹn. Cô còn thấy áy náy hơn khi đến lễ Giáng Sinh, tất cả học sinh trong lớp đem tặng cô những gói quà gói giấy màu và gắn nơ thật đẹp, **ngoại trừ món quà của Teddy**. Em đem tặng cô một gói quà bọc vụng về bằng loại giấy gói hàng mà em tận dụng lại từ loại giấy gói hàng của tiệm tạp hoá. Cô Thompson cảm thấy đau lòng khi mở gói quà ấy ra trước mặt cả lớp. Một vài học sinh đã bật cười khi thấy cô giơ lên **chiếc vòng giả kim cương cũ đã sút mất một vài hạt đá và một chai nước hoa chỉ còn lại một ít**. Nhưng cô đã dập tắt những tiếng cười nhạo kia khi cô khen chiếc vòng đẹp, đeo nó vào tay và xịt ít nước hoa trong chai lên cổ.

Hôm đó Teddy đã nén lại cho đến cuối giờ để nói với cô: **“Thưa cô, hôm nay cô thơm như mẹ em ngày xưa”**. Sau khi đưa bé ra về, cô Thompson đã ngồi khóc cả giờ đồng hồ. Và chính từ hôm đó, **ngoài dạy học cô còn lưu tâm chăm sóc cho Teddy hơn trước**. Mỗi khi cô đến bàn em để hướng dẫn thêm, tinh thần Teddy dường như phấn chấn hẳn lên. Cô càng động viên em càng tiến bộ nhanh. Vào cuối năm học, **Teddy đã trở thành học sinh giỏi nhất lớp. Và**

trái với phát biểu của mình vào đầu năm học, cô đã không yêu thương mọi học sinh như nhau. Teddy là học sinh cưng nhất của cô.



Một năm sau, cô tìm thấy một mảnh giấy nhét qua khe cửa. **Teddy viết: “Cô là cô giáo tuyệt vời nhất của đời con”**. Sáu năm sau, cô lại nhận được một bức thư ngắn từ Teddy. Cậu cho biết **đã tốt nghiệp trung học, đứng hạng 3 trong lớp và “Cô vẫn là cô giáo tuyệt vời nhất của đời con”**. Bốn năm sau, cô lại nhận được một lá thư nữa. Teddy cho biết dù hoàn cảnh rất khó khăn khiến cho cậu có **lúc cảm thấy bế tắc, cậu vẫn quyết tốt nghiệp đại học với hạng xuất sắc nhất, nhưng “Cô vẫn luôn là cô giáo tuyệt vời mà con yêu quý nhất của đời con”**. Rồi bốn năm sau nữa, cô nhận được bức thư trong đó **Teddy báo tin cho biết cậu đã đậu tiến sĩ và quyết định học thêm lên. “Cô vẫn là cô giáo tuyệt nhất của đời con”**, nhưng lúc này tên cậu đã dài hơn. Bức thư ký tên **Theodore F. Stoddard - giáo sư tiến sĩ**.



Câu chuyện vẫn chưa kết thúc tại đây. Một bức thư nữa được gửi đến nhà cô Thompson. Teddy kể cậu đã gặp một cô gái và cậu sẽ cưới cô ta. Cậu giải thích vì cha cậu đã mất cách đây vài năm nên cậu mong cô Thompson sẽ đến dự lễ cưới và ngồi ở vị trí vốn thường dành cho mẹ chú rể. Và bạn thử đoán xem việc gì đã xảy ra?

Ngày đó, **cô đeo chiếc vòng kim cương giả bị rớt hột mà Teddy đã tặng cô năm xưa, xúc thư nước hoa mà Teddy nói mẹ cậu đã dùng vào kỳ Giáng Sinh cuối cùng trước lúc bà mất.** Họ ôm nhau mừng rỡ và giáo sư Stoddard thì thào vào tai cô Thompson: **“Cám ơn cô đã tin tưởng con. Cám ơn cô rất nhiều vì đã làm cho con cảm thấy mình quan trọng và cho con niềm tin rằng mình sẽ tiến bộ”.** Cô Thompson vừa khóc vừa nói nhỏ với cậu: **“Teddy, con nói sai rồi. Chính con mới là người đã dạy cô rằng cô có thể sống khác đi. Cô chưa từng biết dạy học cho tới khi cô gặp được con.”** (Hoathuytinh.com)



Chúng ta thấy gì qua câu chuyện tuyệt vời này? Cậu bé không may đã mất mẹ quá sớm. Mất mẹ là mất tất cả. Người cha không mấy quan tâm đến việc học hành, đến sự thay đổi cuộc đời của cháu. Từ một đứa trẻ thông minh, học giỏi, ngoan ngoãn, vui vẻ, tử tế với thầy cô và bạn bè khi còn mẹ, bỗng nhiên trở thành một đứa bé lù khù, hay ngủ gục trong lớp, ít bạn bè, và không còn ham thích học hành. Và nếu gặp một cô giáo không biết quan tâm, để ý, chăm sóc, nâng đỡ cháu thì cuộc đời cháu bé này quả thật đáng thương, **có thể đi từ vực thẳm này đến vực thẳm khác.** Nhưng may mắn cậu bé đã gặp được cô giáo Thompson, nhờ sự biết chăm lo và hướng dẫn. Một nụ hoa tưởng chừng như tàn úa ngay từ buổi ban đầu bởi những cơn bão lửa, nhưng sau cơn bão may mắn đã tìm lại được dòng suối mát, để rồi lấy lại được nguồn sống, lấy lại được tinh thần, tiếp tục phát triển, và đã trở thành một đóa hoa tuyệt vời trong cánh rừng hoa rực sáng.

Đây cũng là một bài học quý giá cho những bậc làm ông bà cha mẹ. Hãy ý tứ khi con cháu trong gia đình chúng ta có bố mẹ không may sớm ra đi khi con cháu chúng ta còn quá nhỏ. **Chúng ta phải biết quan tâm, chăm nom, săn sóc và nâng đỡ các cháu từng li từng tí, nhất**

là đời sống tinh thần, để cuộc đời các cháu không cảm thấy hụt hẫng, sống trong thất vọng. Chúng ta phải là chỗ nương tựa cho các cháu, từng bước từng bước nâng đỡ các cháu, để các cháu vượt qua cơn khủng hoảng đó để rồi tìm lại được sự bình an và ổn định trong cuộc sống thường ngày của các cháu.



Cô Victoria Ruvolo, một phụ nữ 44 tuổi, có nghề nghiệp vững chắc, có mọi lý do để giận dữ, như vị luật sư trong vụ kiện của cô đã nói, một tội ác khủng khiếp đã xảy ra cho cô và xem ra không một hình phạt nào thích đáng để đền bù cho tội ác này.

Cô Victoria may mắn còn sống sau khi một thanh niên 18 tuổi tinh nghịch ném một con gà tây đông lạnh nặng trên 9 ký từ một chiếc xe hơi đang chạy hết tốc lực vào chiếc kính chắn gió của xe hơi cô, làm bể hầu hết mọi chiếc xương trên khuôn mặt cô. Anh này cùng mấy người bạn trạc tuổi nhau đã mua con gà tây đó với một thẻ tín dụng ăn cắp và họ đã thực hiện một chuyến sẩm sửa lu bù vô nghĩa chỉ để mua vui mà thôi. Cô Victoria đã phải trải qua một cuộc giải phẫu kéo dài 10 giờ đồng hồ, chịu đựng một sự hôn mê do thuốc gây ra, và nằm điều trị một tháng trong bệnh viện trước khi cô có thể trở về nhà, nơi mà cô đối diện nhiều tháng trị liệu để được phục hồi.

Tuy nhiên **cô vẫn giữ liên lạc với người đã gây ra tội ác cho cô và bày tỏ sự yêu thương, quan tâm và tha thứ cho những hành động của anh ta.** Một cảnh đặc biệt trong phòng xử án khiến những người tham dự đều ngạc nhiên khi chàng trai này thận trọng và ngập ngừng tiến tới nơi cô ngồi trong phòng xử, nước mắt giàn giụa thì thào xin lỗi cô:

“Cháu cảm thấy vô cùng buồn và hối hận về những gì cháu đã làm cho cô.”

Ngay lúc đó cô Victoria đã đứng lên rồi cả hai, nạn nhân và phạm nhân đã ôm chầm nhau òa khóc. Cô vuốt đầu anh ta và vỗ nhẹ vào lưng anh khi anh nức nở khóc. Những người hôm ấy đã chứng kiến cảnh tượng thật cảm động với câu nói của cô:

“Tốt rồi, cô chỉ mong cháu nỗ lực hết sức mình để sống thật tốt.”

Theo các bài tường thuật hôm đó thì ngay cả những công tố viên cứng cỏi nhất và các phóng viên bấy giờ cũng đều phải ghen ngào rơi lệ.

Và khi tội nhân bị kết án, cô Victoria khẩn cầu quan tòa khoan dung cho cậu ta. Trong lời phát biểu với người bị kiện, cô nói:

“Bất chấp mọi nỗi sợ hãi và đau đớn, cô đã học được nhiều điều từ kinh nghiệm khủng khiếp này, và cô có nhiều điều để phải nói lời cảm ơn. Không có chỗ cho sự hận thù trong đời sống cô, và cô không tin một hạn tù dài, hay lao khổ nào sẽ đem lại cho cháu, cho cô, hay cho xã hội bất cứ lợi ích nào.”

Và vì thế, anh chàng tinh nghịch thanh thiếu niên này đã được giảm án tù chỉ còn 6 tháng thay vì 25 năm. Và cô Victoria tiếp tục lời phát biểu của mình:

“Cô thật sự mong rằng bởi việc bày tỏ lòng xót thương và khoan dung, cô khích lệ cháu tìm kiếm một cuộc sống xứng đáng. **Nếu như sự khoan hồng của cô sẽ giúp cháu trưởng thành để trở nên một con người có trách nhiệm, lương thiện, có lòng nhân hậu vốn là nguồn tự hào cho những người thân yêu và cộng đồng của cháu thì cô sẽ thật sự mãn nguyện, và sự đau đớn của cô sẽ không phải là vô ích.”**

Cô Victoria vẫn biết rằng: một cái án tù lâu hơn rất có thể sẽ hợp lý. Nhưng như cô đã nói với các phương tiện truyền thông sau đó:

“Sự hận thù sẽ làm được gì? Thiên Chúa đã ban cho tôi cơ hội thứ hai để sống và tôi cũng muốn cho cháu một cơ hội thứ hai để cháu làm lại cuộc đời.”

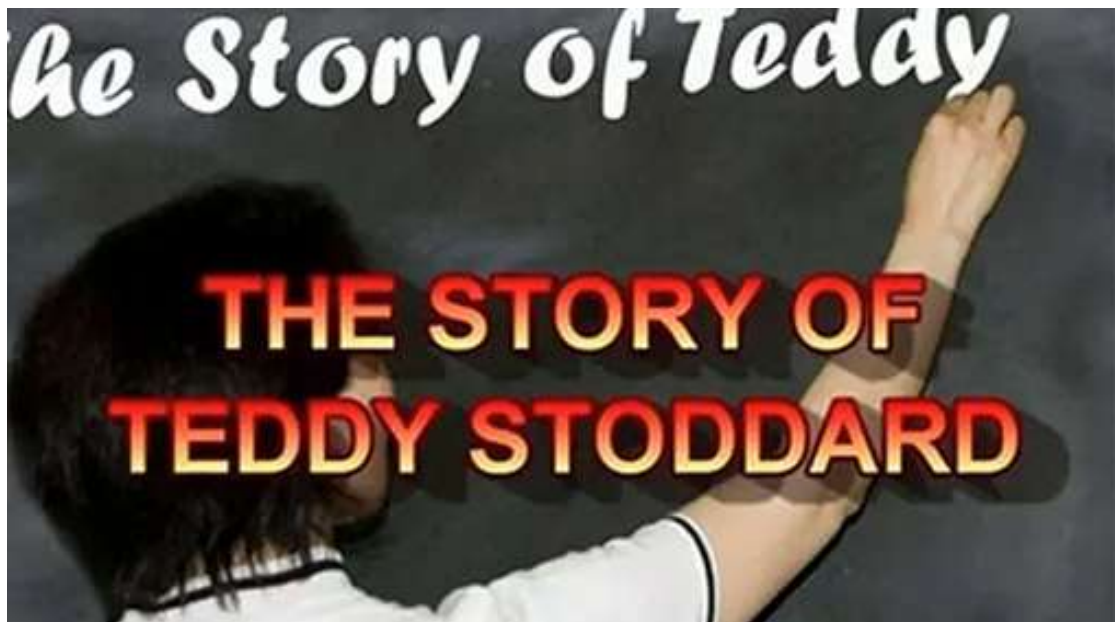
Cô đã nhìn thấy **sự quan tâm và tha thứ như là một điều tốt lành lớn lao hơn cả công lý nữa.** Và như người anh rể của cô đã nhận định sau khi chứng kiến quang cảnh đầy xúc động tại phòng xử án:

“Cô đã ôm chầm cậu ta như một người mẹ ôm lấy con mình. Cô bảo cậu ta: cô muốn cháu trở nên một người xứng đáng. Và cậu ta đã nói: **Cháu sẽ làm như thế cháu hứa, cháu hứa.”**

Và quả thật, sau khi mãn tù, cậu thanh niên ấy đã cố gắng thực hiện điều cậu đã hứa để làm tròn ước mơ mà cô Victoria đã mong ước. **Sau 12 năm miệt mài học hành, cậu đã ra trường với bằng bác sĩ y khoa.** Ngày ra trường cậu đã mời cô đến dự, cả 2 đã ôm chầm lấy nhau trong sự cảm động đến rơi lệ. Nhưng **những giọt lệ hôm nay không phải là những giọt lệ thương đau ngày xưa, mà là những giọt lệ của vui mừng và hân hoan, vì nhờ lòng từ tâm và quan tâm của cô mà cậu mới có ngày huy hoàng hôm nay.**

Lm. Peter Lê Văn Quảng

Hẹn gặp lại



VỀ MỤC LỤC

RƠM

TÁC PHẨM
NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI

25. RƠM
Tác giả **Quyên Di**
Nhà Văn, Giáo Sư Ngôn Ngữ
và Văn Hóa Việt Nam đại học UCLA



Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3KDVP9F>

Do một tình cảm đơn sơ, thuần khiết lúc ấu thơ, tôi rất thích rơm.

Trong những năm tuổi nhỏ được ở thôn quê, tôi thấy rơm và thích rơm một cách tự nhiên, không tìm biết lý do. Tôi thích rơm như cậu bé khác thích cái kèn làm bằng lá tre, như cô bé nọ thích con búp bê làm bằng những sợi len xanh đỏ kết lại. **Tôi thích rơm, cái thích đơn thuần giản dị.** Có lẽ đó là bản chất của tôi, bởi vì **khi đã lớn lên, tình yêu của tôi cũng là một tình yêu giản dị. Tôi yêu vì yêu, không hỏi lý do, không cần biện bạch.**



Sau ngày mùa, khi những bông lúa vàng trĩu đã được nhà nông cắt đem về kho lẫm, cánh đồng chỉ còn trơ lại rơm và rạ. Thân lúa xanh tốt ngày nào dần chất bổ dưỡng lên làm căng phồng những hạt lúa thơm ngát hương đồng nội, nay trở thành những **cọng rơm khô vàng, rỗng và nhẹ.** Tôi thích cái màu vàng ấy. Nó tươi và óng ánh như có tráng một lớp men. Màu vàng của rơm rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời, làm cho cánh đồng sau mùa gặt có một nét đẹp riêng, mà trí óc non nớt của tôi chỉ có thể cảm nhận mà không biết tìm cách mô tả cho trọn vẹn được.

Thế rồi rơm cũng được người ta đem về như một thứ phó sản của vụ mùa. Lúa vì quý nên được cất vào bồ. Rơm không quý nên chỉ được đánh đống thành từng đụn ở ngoài sân, dưới gốc những cây cau, hoặc cũng nhiều khi được dùng để phủ kín những bồ lúa của nhà nông.

Những ngày mùa đông giá rét, khi những cánh đồng cỏ trụi phô ra mặt đất nâu cứng nứt nẻ, trâu bò ở trong chuồng cũng run lên vì lạnh, mẹ tôi và người nhà đem rơm ra cho trâu, bò ăn. Món ăn không ngon như những ngọn cỏ xanh mướt nõn nà ngoài đồng, nhưng cũng đủ làm cho trâu, bò no lòng và ấm áp.



Riêng tôi, những ngày mùa đông giá rét ấy, lại càng thấy gần rơm và thích rơm. Đang khi những ngọn gió rét buốt chạy đuổi nhau ngoài đồng hoặc tình nghịch chui vào những mái nhà làm tóc lên lớp cỏ tranh; đang khi những chú chim sẻ trốn thật kín trong những ống nứa ống tre, tránh cái lạnh tê buốt cắt da, thì tôi **thu mình nằm gọn trong ổ rơm mà mẹ tôi đã dọn sẵn ở góc nhà**. Hơi ấm tự nhiên, thơm mùi lúa chín và cánh đồng còn vương vấn, tỏa ra thật dễ chịu. Tôi nằm lim dim trong trạng thái nửa thức nửa ngủ, để cho trí tượng tưởng miên man. Tôi thấy như được nằm gọn trong bàn tay từ ái của đất trời. Tình yêu của đất trời nồng nàn và bát ngát, ôm ấp và sưởi ấm con người, nhưng cũng giản dị mộc mạc như cánh đồng, ngọn cỏ, sợi rơm, tiếng chim hót, làn gió nhẹ hay ánh nắng chiều. **Dù chỉ là một chú bé con, nhưng tôi cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc được làm người và được sống trên cái trái đất dễ thương, đẹp đẽ này**. Về sau khi đã lớn, tôi đã nằm trên những chiếc giường tân tiến và tiện nghi, nhưng **chưa một lần nào tôi tìm lại được cái cảm giác ấm áp, an toàn và hạnh phúc như khi nằm trên cái ổ rơm của ngày xưa còn bé**.

Nằm trong ổ rơm chán, tôi ngồi dậy, co ro đi xuống bếp xem chị tôi thổi lửa nấu cơm. Chị cho rơm vào trong bếp làm môi, ngọn lửa bùng lên rực rỡ, rồi tàn dần. Lửa rơm rất mau tàn. Nhưng ngọn lửa ấy đã bắt qua những cục than đen bóng. Chị kê cái ống thổi lửa vào bếp, chụm môi thổi. Làn hơi của chị làm cho những cục than dần dần hồng lên, cho đến lúc những cục than đen biến thành những cục than hồng rực rỡ. Hai má của chị tôi khi ấy cũng hồng, làm cho khuôn mặt thiếu nữ đương xuân của chị thêm tươi đẹp và duyên dáng...

Xem vậy mà rơm còn được dùng vào nhiều việc khác. Bạn có bao giờ thường thức món chân giò nấu măng chưa? Trước khi cho vào nồi nấu, người ta thui cái chân giò trong đống rơm cháy đỏ, mùi thơm trong khói lan tỏa khắp xóm. Mẹ tôi bảo chân giò không thui bằng rơm thì sẽ không thơm như vậy. Tôi kể chuyện này nghe có vẻ "phàm phu" quá phải không? Nhưng đó là một trong những niềm vui tuổi nhỏ của tôi.

Có khi rơm còn được ở... trên đầu người ta nữa. Ở trên đầu không giống như kiểu "trên đầu những rạ cùng rơm, chồng yêu chồng bảo hoa thơm cài đầu" đâu, mà là ở trên đầu mặt cách thật nghiêm chỉnh. Năm ấy bác tôi mất, cả họ để tang. Ngày đi đưa đám, tôi thấy các chị con bác mặc áo sô đội mũ trắng; các anh tôi cũng mặc áo sô chít khăn tang trắng. Anh con cả của bác thì mặc áo tang, và đội trên đầu một vành rơm, chống gậy đi giật lùi trước quan tài. Mẹ tôi giải thích cho tôi biết bác mất là chuyện đau buồn cho gia đình, không còn ai vui thích trong việc trang điểm lộng lẫy, áo quần bảnh bao nữa. Mặc áo sô, đội vành rơm để biểu lộ ra bên ngoài nỗi đau buồn bên trong. Như thế, **dù được ở trên đầu người ta, rơm cũng vẫn bị xem như là một vật tầm thường, xấu xí.**

Từ khi rời quê lên thành phố, rồi trôi nổi theo những chuyển biến của hách sử, cuối cùng thành một gã lưu vong, tôi không còn dịp nào được gần gũi với rơm nữa. Nhưng mỗi khi tìm lại tuổi ấu thơ trong cơn mơ hay trong những lúc thả hồn theo kỷ niệm thiếu thời, tôi lại thấy rơm. Những sợi rơm vàng óng, nồng nàn mùi thơm hoang dã và hương lúa ngọt ngào như quán lấy thân tôi. Hình như rơm muốn che chở cho tôi, ấp ủ lấy tôi để truyền cho tôi sự ấm áp và tình thân. Bây giờ đã lớn, nên tôi biết phân tích tình cảm của tôi để thấy rằng **chính cái giản dị của rơm tạo nên một vẻ quyến rũ và làm tôi tưởng nhớ mãi**, cho dù bao nhiêu hình ảnh khác của quá khứ hầu như đã tan biến trong tôi. Tôi cũng cảm nghiệm rằng **tình yêu đơn sơ giản dị chính là thứ tình yêu đẹp nhất và lời cuốn nhất.**

Dịp lễ Giáng Sinh năm ngoái, tự nhiên tôi được một người bạn nhắc cho những hình ảnh về rơm, và qua bạn, tôi học được những bài học của rơm, Bạn tôi hiền như một con chim sẻ, ngây thơ như bò câu, dễ thương như thỏ, nhưng đôi khi cũng biết tự phòng thủ như một con nhím. Và một điều chắc chắn là bạn có đời sống nội tâm thật sâu thẳm, sâu như lòng giếng nhìn không thấy đáy.

Bạn tôi sống trong một cộng đồng. Cộng đồng này có một tục lệ dễ thương lắm, cứ vào dịp Giáng Sinh, mọi người bắt thăm để nói về một vật gì đó có liên quan đến máng cỏ. Bạn tôi bắt được lá thăm yêu cầu nói về rơm. Và sau dịp trình bày ấy, bạn đã nói lại cho tôi nghe những gì bạn nghĩ về rơm.

Bạn nói rằng bạn cũng đã nghĩ đến sự tầm thường của rơm, tầm thường đến độ khi đề cập đến những gì thấp kém, vô dụng, người ta gọi đó là những thứ "**rơm rác**". Nhưng dù tầm thường đến thế nào đi nữa, rơm cũng không thật sự vô dụng đâu. Rơm sẵn lòng làm những công việc tầm thường nhất, khi mà người ta không có phương tiện để làm cho khác hơn. Nếu có chần ên nệm ấm, chắc người ta không nghĩ đến chuyện nằm ổ rơm. Nhưng khi không có chần ên nệm ấm, ổ rơm đã là nơi sưởi ấm con người trong những ngày tháng mùa Đông. Nếu có cỏ non thơm ngọt, người ta đã không nghĩ đến chuyện nuôi trâu bò bằng rơm. Nhưng khi chẳng còn cỏ non, rơm đã trở thành món ăn cho trâu bò no bụng. Không biết rằng người ta **có ai hiền lành và có**

ting thần phục vụ như rơm, sẵn lòng làm cho người khác những việc mà "không còn biết chạy vào đâu nữa người ta mới nhờ đến mình".



Bạn nói rằng khi đề cập đến lửa rơm, ai cũng có vẻ xem thường. Nhưng bạn nhìn lửa rơm ở một khía cạnh khác, và bạn thấy lửa rơm đáng quý lắm. Đáng quý vì lửa rơm mang ý nghĩa của sự hy sinh và khiêm tốn. Trước khi có lửa củi, lửa than, người ta phải có lửa rơm. Lửa rơm tàn nhanh lắm, nhưng nếu không có lửa rơm, làm sao củi, than bén lửa? **Và khi bếp đã cháy hồng, rơm chỉ còn là một nắm tro, không ai biết đến rơm nữa,** người ta chỉ trầm trồ ngấm nghĩa những thanh củi, hòn than cháy hồng rực rỡ. Chẳng biết có mấy ai dám hy sinh và khiêm tốn như rơm, **khởi đầu công việc, nhưng sau đó âm thầm lui đi và nhường lại vinh quang cho người khác?**

Bạn nói đến một điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Đó là **sự trống rỗng của rơm.** Trong lòng cọng rơm không chứa gì. Chính cái trống rỗng ấy làm cho rơm trở nên hữu ích. Bạn kể cho tôi nghe ngày xưa khi chưa có những địa bàn tối tân như ngày nay, người Trung Hoa đã xỏ kim nam châm vào trong một cọng rơm và thả xuống mặt nước yên lặng. Cọng rơm sẽ chỉ cho người ta biết hướng Nam hướng Bắc. Từ hình ảnh ấy, bạn nói cho tôi nghe cái cần thiết của sự trống rỗng. **Hầu như ít có người biết tự làm trống mình, để cho ơn Chúa tràn vào, chan chảy.** Tâm trí người ta thường chất chứa nhiều thứ lắm: tham vọng, mưu tính, hận thù, tranh chấp, thiên kiến... Những thứ ấy làm cho **đầu óc và trái tim người ta chật chội, từ đó khó có những nhận định chính xác.** Khi không có được nhận định chính xác, người ta không thể tự hướng dẫn mình và hướng dẫn người khác. Cọng rơm mà đặc thì không thể dùng để xỏ kim nam châm vào, để chỉ cho người ta biết hướng Bắc, Nam.

Và bạn nói với tôi về sự đáng yêu trong cái tầm thường của rơm. Chúa Hài Nhi yêu sự khiêm hạ. Nên khi giáng thế Ngài đã chọn một hang đá nghèo hèn lạnh lẽo, và ngự trên một máng đựng

cỏ, rơm. **Vinh dự thay cho rơm, thụ tạo tầm thường "rơm rác" của trái đất, lại là vật đầu tiên được đụng chạm đến Thánh Thể Hải Nhi. Đâu còn vinh dự nào sánh bằng?**



Tôi không nói với bạn lời cảm ơn khi bạn chia sẻ cho tôi những ý nghĩ ấy. Nhưng trong đáy lòng, tôi cảm động và thấy quý bạn hơn. Tôi biết những ý nghĩ này phát xuất từ trong đời sống nội tâm sâu thẳm "như lòng giếng" của bạn.

Và với rơm, tôi thấy thích rơm hơn nữa. Tôi muốn giống rơm. Vì thế, tôi đã cầu nguyện với Chúa rằng: **"Lạy Chúa, xin cho con biết hiền lành, khiêm tốn như một cọng rơm, để con được gần Chúa và được Chúa yêu. Xin cho trái tim con trống rỗng như một cọng rơm, để tình Chúa đổ xuống ngập tràn con tim ấy".**

Nhà Văn Quyên Di

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

TÁM TÔN THƯƠNG TIÊU BIỂU (Tiếp theo)

Eymard An Mai Đổ O.Cist

**Tổn thương
và
Chữa lành
Trong Đức Kitô
Theo tinh thần Bát Phúc**

DẤU HIỆU NGƯỜI BỊ TỒN THƯƠNG

TÂM TỒN THƯƠNG TIÊU BIỂU

(Tiếp theo)

Sâu Khổ

Đức Phanxicô thật có lý khi khẳng định trong tông huấn *Gaudete et Exsultate* số 75 rằng *Thập giá không bao giờ vắng bóng trong đời sống con người*. Thật vậy, đau khổ như “người tình” luôn đồng hành trong thân phận con người. Ví von thế cho thêm phần thi vị, chúng như một cách giúp chúng ta nhìn nhận đau khổ dưới góc cạnh tích cực và hy vọng để tránh khỏi việc con người qui về bản thân và thấy chúng như một thực tại làm cho con người sầu muộn trong đau khổ (sâu khổ). Thật ra, nếu ví thực tại đau khổ như *người tình* cũng còn quá hời hợt vì người tình chỉ đi ngay bên con người, còn đau khổ gắn liền với hiện hữu của con người như hình với bóng. Và hai người yêu nhau có thể một ngày rời nhau, còn đau khổ vẫn tồn tại thường trực với từng nhịp sống hiện sinh của con người.

Thực tế cuộc sống cho thấy, ngày nay con người thường hô hào khẩu hiệu: *Hạnh phúc tối đa, hưởng thụ hết ga*. Thế nên, họ tìm mọi cách để tránh bớt đau khổ dưới mọi hình thức. Còn nói như Đức thánh Giáo hoàng Phaolô VI, con người thời đại đi tìm một thập giá không có Chúa Giêsu. Họ nghĩ rằng tiền bạc và tiện nghi sẽ giúp họ tìm được hạnh phúc và tránh mọi đau khổ, nhưng có những người đã tự vẫn đang khi trên đỉnh vinh quang và chết ngay trên đồng tài sản kékch xù. Tiền bạc không là tất cả và càng không phải là giải pháp cho những vấn đề thuộc phạm vi tinh thần. Thật ra, y học tiến bộ và con người có thể dùng tiền để chạy chữa những cái đau của thể xác còn cái khổ của tinh thần thì bất khả. Như thế, cái khổ của tinh thần cần tìm một lối giải thoát khác. Nếu không tìm ra ẩn số cho cái khổ của con người thì họ vẫn sâu khổ, và tổn thương từ bên trong vẫn mưu toan “bào mòn” con người.

Do đâu có sự sâu khổ và tổn thương bên trong ?

Có hai khuynh hướng giải thích cho sự sâu khổ của con người: *hưởng thụ* và *qui ngã*.

Một mặt, ngày nay, con người đi tìm *hưởng thụ* trong mọi tiện nghi vật chất nên họ có khuynh hướng tránh né tối đa những gì cản trở họ hưởng khoái lạc, và phớt lờ, phủ nhận hoặc dồn nén những yếu tố tâm lý như bực mình, khó chịu trong đau khổ để tìm vui trong sự khoái trá trần tục chóng qua. Sau khi được nếm hương rượu thơm, một chút vui chưa trọn thì lại phải uống luôn cả cặn bã của cuộc đời. Mặt khác, họ *qui ngã*, sống ích kỷ, tìm lợi cho chính mình ngay cả trên xương máu của đồng loại. Vì quá quen với những điều kiện thoải mái nên một khi gặp thất bại hay đau khổ, họ trở nên những kẻ thiếu kiên nhẫn tưởng chừng như niềm đau nỗi khổ của mình bao trùm cả nhân loại khiến không chịu nổi. Cả hai thái độ sống này đã làm tổn thương đến tinh thần của đương sự. Khi đó, người ta dễ dàng đổ lỗi cho ngoại cảnh nhưng cái làm ta tổn thương lại đến từ bên trong. Tiên trách kỷ, hậu trách nhân là thế!

Hai lối sống trên là đại diện trong nhiều nguyên nhân khởi phát tâm sâu khổ và khắc sâu những tổn thương bên trong khiến con người cảm thấy bất an khi sống cuộc đời vốn đầy khổ ải này. Dẫu biết rằng đau khổ ăn sâu trong phận người, nghĩa là con người chấp nhận sống là đối diện với đau khổ nhưng nếu ai có hướng nhìn tích cực và siêu nhiên thì chúng sẽ trở thành cơ hội giúp lượng giá bản thân và tiến bước như khẳng định của Albert Einstein: “...*để đạt đến cái lớn lao đích thực của con người, chỉ có một con đường: kinh qua trường học của đau khổ*”; bằng không, nếu cứ quay quắt trong đau khổ và khóc than, con người sẽ sống trong sâu khổ và bước đi trong tăm tối mà không tìm ra lối thoát.

Khởi đi từ phái Khắc kỷ đến thánh Gioan Kim Khẩu và sau này là người hùng Ấn độ Gandhi vẫn đề cao một quan niệm sống: *Không ai có thể làm ta tổn thương, trừ khi chính ta cho người khác quyền đó*. Thoạt tiên, chúng ta nghe qua và cảm thấy câu nói này có vẻ mâu thuẫn, nhưng nghĩ lại, chúng là một triết lý nhằm giải thoát con người khỏi mọi vướng bận trần gian. Khi một

tên thanh niên lỗ mãng có mưu toan hạ nhục Đức Phật, hắn dùng những lời thô tục với ý đồ làm tổn thương Đấng giác ngộ, ngài đã đáp lại bằng những lời từ tốn, ngài hỏi: Nếu anh cho người khác thứ gì đó mà họ không nhận thì nó thuộc về ai ?

-Hắn trả lời: “Nó sẽ thuộc về tôi”.

-Vậy những gì anh đã cho tôi, tôi không nhận, tôi trả lại anh.

Người thanh niên bẽ mặt bỏ đi và không bao giờ quay lại nữa.

Như thế, những mưu toan gây tổn thương không có đất sống nơi người mạnh mẽ. Thật vậy, những người có ý chí mạnh mẽ như Đức Phật sẽ chủ động không để cho những tác động bên ngoài vương hại và làm tổn thương chính mình. Tuy nhiên, quan sát thực tế cho thấy người ta quá nhạy cảm với những gì là thua thiệt, thất bại hay đau khổ để rồi quay quắt mãi chẳng tìm được lối ra. Đã hẳn, các Kitô hữu vẫn sống đức tin hằng ngày nhưng gặp khó khăn, khủng hoảng lại thất thần như một kẻ vô tín, rồi than thở và nghi ngờ: *chẳng biết có Chúa không*. Chính khi đó, họ không còn đủ tỉnh thức để nhận ra những dấu chỉ thời đại qua tha nhân, biến cố nào đó mà Chúa đã thân hành đến an ủi chính mình.

Chúng ta vẫn nghe câu chuyện kể về một người bệnh tật quá khổ đau, một ngày nọ anh muốn tìm lối thoát bằng cách tự sát. Hắn chuẩn bị một khẩu súng khi đến trước tượng Đức Mẹ ở Lộ Đức. Thế rồi, khi quan sát mọi sự và chứng kiến mọi điều từ những người đau khổ khốn cùng đang kêu cầu Mẹ, trong số đó, có những người được chữa lành, cũng có những người khi ra về nhận được ơn hoán cải. Hắn đã buông súng đầu hàng và trở về với lòng hân hoan, chấp nhận những khó khăn và đau khổ hiện tại. Hắn và những người khốn khổ ở Lộ Đức là chứng nhân cho lời chúc phúc của Chúa: *ai sầu khổ sẽ được Chúa ủi an*.

Ảo Tưởng Về Sự Công Chính

Sự công chính được nói đến ở đây, ngày nay, người ta hay dùng hạn từ tương đương là *hoàn thiện*. Đây là cấp độ nhu cầu cao nhất trong năm bậc thang nhu cầu của nhà tâm lý học Maslow mà chúng ta đã giới thiệu ở phần trên. Nhu cầu *hoàn thiện bản thân*, tự chúng không phải là một đòi hỏi quá đáng để được thỏa mãn bản thân nhưng là một khát vọng sống mà Thiên Chúa đã đặt trong lòng con người ngay từ đầu. Bởi đó, khi mời gọi con người *hãy nên hoàn thiện*, Chúa Giêsu không đề ra một mệnh lệnh quá sức con người, trái lại, Ngài đánh thức khát vọng và làm triển nở hạt giống trong lòng người nhằm giúp họ đạt đến sự hoàn thiện hay sự công chính đích thực.

Nếu hiểu nhu cầu là khuynh hướng bẩm sinh hướng tới hành động thì việc chúng đòi thỏa mãn là một khát vọng rất tự nhiên của con người. Theo đó, nhu cầu hoàn thiện bản thân cũng cần hướng đến những hành động cụ thể giúp nuôi dưỡng khát vọng chính đáng và thủ đắc các nhân đức cho một đời sống đạo. Để nhận ra sự cấp bách của nhu cầu này, trong Tu đức học và Thần học Luân lý người ta dùng hạn từ *đói khát sự công chính*. Nếu như nhu cầu căn bản của con người là đói ăn khát uống thì về mặt tâm linh: con người cũng đói khát sự công chính. Tuy nhiên, chúng ta cũng thừa nhận rằng vẫn còn đó những ảo tưởng khiến họ xa rời lý tưởng ấy.

Trong khi triết gia Albert Camus đề ra chủ trương vô thần, đồng thời, ông đã thao túng hậu sinh về việc cổ võ một thái độ sống *nên thánh* không cần Thiên Chúa. Ngày nay, cũng trong tinh thần đó đã có nhiều người được coi là các bậc thầy hướng dẫn tâm linh đã tuyên bố thẳng thắn rằng mình không thuộc tôn giáo nào. Thế nhưng, họ lại trích dẫn những câu nói của các vị sáng lập tôn giáo làm nền tảng lý luận và suy diễn của mình. Thoạt tiên, nhiều người nghe giáo lý và những khẳng định của họ khá mới mẻ, và đã tin theo, nhưng dần dà, chúng trở thành một thứ rào cản vì chỉ dừng lại trên lý tưởng mà không giúp thiện nhân tiến nhanh trên hành trình tâm linh, còn nói như cha Michel Rondet: *“Thật đáng buồn khi thấy những kinh nghiệm tâm linh chân chính đã rơi vào bế tắc, thậm chí có thể làm lạc lối và làm kiệt sức con người khi thoát khỏi kinh*

nghiệm ấy”.¹ Và cũng chính họ đã bỏ qua hoặc phủ nhận những nghi lễ của các tôn giáo mà tự chúng là một trong những cách cụ thể giúp con người xác định vật hèn để tiếp cận với Thực tại Siêu Nhiên. Và cũng từ đó, có lẽ người ta bắt đầu nói nhiều đến, ngay cả trong tôn giáo: *Đạo tại tâm*.

Ở đây, chúng ta có thể rút ra một ảo tưởng rằng con người tự sức mình có thể “giác ngộ” hay chứng nghiệm thế giới huyền bí. Có thể nói, những nhà tri thức và tâm linh nghiêm túc đã vạch trần những ảo tưởng đó, khi trong giáo lý mà họ đưa ra có những nghịch lý nội tại không sao giải đáp thỏa đáng về ý nghĩa đích thực của đời sống con người.

Tinh thần này càng được “hậu thuẫn” từ khuynh hướng chủ nghĩa cá nhân của con người thời đại. Thật vậy, họ chủ trương rằng nhờ tự do tối thượng, và những gì tối coi là tốt đẹp và lành thánh, chúng sẽ giúp bản thân hoàn thành định mệnh đời mình. Từ đó, chính tôi là thượng đế tự ra luật, và chủ quan nhìn nhận những thực tại đời sống, đồng thời, toàn quyền quyết định hành trình những gì liên quan đến tính luân lý và những giá trị của đời sống. Trong khi họ coi luân lý được trình bày trong tôn giáo là thứ luân lý nô lệ thì chính họ lại là nô lệ của bản năng. Từ đó, họ đề ra thứ triết lý siêu nhân hướng con người đạt đến tầm cao của cuộc hiện sinh mà thực chất chỉ là những ảo tưởng thế tục.

Cũng có hình thức ảo tưởng khác mà Đức Giêsu đã nói khi bàn đến những Luật sĩ, Kinh sư. Họ như thể những người giữ luật nghiêm ngặt đến mức nghĩ rằng luật ấy giúp họ nên công chính. Thật ra, tự luật lệ có thể là *rào chắn* giúp ta tránh được những dịp tội nhưng cũng có thể trở thành *rào cản* ta đến với tha nhân. Vì người ta có thể nạy vào chữ viết mà giết chết tinh thần. Đó là điều mà Chúa Giêsu đã cảnh báo khi nói: ngày Sabát vì con người chứ không phải con người vì ngày Sabát, nghĩa là luật phục vụ cho thiện ích con người nhưng một khi luật ấy làm tổn hại đến những nhu cầu chính đáng của con người thì buộc phải giải thích và áp dụng theo tinh thần lẽ luật. Bởi vậy, tinh thần của luật là tình yêu mới giúp con người nên công chính chứ không phải vì giữ luật thanh sạch nào đó mà họ đã bỏ qua một dịp bác ái giúp người hoạn nạn, đỡ sống đỡ chết, khi đang trên đường lên Giêrusalem.

Tưởng cũng cần nhắc đến cách đánh giá sự công chính tùy thuộc vào những tiêu chuẩn xã hội hay một tổ chức tôn giáo đề ra mà quên xét đến động lực chủ quan của chủ thể. Thật vậy, có những người tự phong mình là những nhà bác ái vĩ đại và ảo tưởng mình là người công chính hơn người, và tách mình ra khỏi đám phàm nhân. Họ trở thành những kẻ trích thượng khi ban phát, và ngấm ngấm một khuynh hướng thống trị người khác mà khởi đầu là giúp đỡ họ khiến họ phải lệ thuộc vào mình. Tệ hơn nữa, họ tự coi mình là một quan tòa có quyền xét xử mọi tội phạm và lên án bất công từ những suy nghĩ hẹp hòi của bản thân.

Có thể nói, những ảo tưởng nói trên đã gây nên những tổn thương không nhỏ cho con người khởi đi từ sự nhận thức sai lạc các thực tại đời sống, quan niệm tự do của con người và những động lực từ chủ thể. Một bước khám phá căn bản mà những người ảo tưởng về sự công chính phải đối diện là nhận ra thực trạng bị tổn thương của mình.

Khi ấy, chúng ta lại nghe vang vọng đâu đây lời chúc phúc của Chúa Giêsu: “Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng”. Bởi đó, khi ý thức sự thiếu thốn của bản thân, mỗi người sẽ khiêm tốn hơn khi kêu cầu Chúa và dễ thông cảm với những yếu đuối của tha nhân.

(Còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

¹Michel Rondet, *Lời thì thầm của Chúa hay Những nẻo đường khác nhau trong hành trình tâm linh*, Chuyển ngữ Lm Đặng Xuân Thành, Nxb Tôn Giáo, tr.20.

**TRI ÂN CHA ĐA MINH ĐÌNH VĂN VĂNG,
BÚT HIỆU LM. ĐAN VINH, HHTM (HIỆP HỘI THÁNH MẪU)**



22/6/1947 – 14/6/2023

Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”

của Lm Đan Vinh, HHTM

BÀI 29



1. LỜI CHÚA : “**Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác**” (PI 2,4).

2. CÂU CHUYỆN : ÔNG BỐ BỆNH NHÂN VÀ VIỆN BÁC SĨ CHỮA BỆNH.

Một vị bác sĩ sau khi nhận được cuộc điện thoại tiếp nhận một ca phẫu thuật gấp, liền vội vã chạy nhanh đến bệnh viện và vội vàng thay đổi trang phục.

Cha của bệnh nhân đã không kìm chế được sự bức tức đã lên tiếng trách : “**Tại sao ông lại có thể *đến muộn* như vậy chứ ? Chẳng lẽ ông không biết được con trai của tôi đang trong tình thế vô cùng nguy hiểm hay sao ? Ông đúng thật là một con người *vô trách nhiệm* !”.**

Bác sĩ nhẹ nhàng nói : “**Tôi thật xin lỗi. Hôm nay tôi không có phiên trực tại bệnh viện. Nhưng khi nhận được điện thoại báo tin, tôi đã lập tức cấp tốc từ nhà đến đây ngay. Xin ông cảm thông nhé !**”.

“**Cảm thông** ư ? Nếu như người nằm trong phòng phẫu thuật là con trai của ông thì ông có thể xin người khác cảm thông được không ? Nếu như hiện tại con trai của ông chết rồi thì ông sẽ **phản ứng thế nào** đây ?”, cha của bệnh nhân phẫn nộ nói.

Bác sĩ lại ôn tồn : “**Thôi được rồi. Bây giờ tôi phải bắt tay vào việc ngay. Xin ông hãy bình tĩnh cầu nguyện để con trai của ông có thể vượt qua cơn nguy kịch đi nhé**”.

Cha của bệnh nhân lại tức giận nói : “**Chỉ có người *thờ ơ với sự sống chết của người khác mới có thể nói được những lời như vậy* !”.**

Mấy tiếng sau, ca phẫu thuật đã thành công, bác sĩ từ trong phòng phẫu thuật đi ra vui vẻ nói với cha của bệnh nhân : “**Cảm ơn Chúa, Con trai ông đã được cứu rồi !**”.

Không chờ người đàn ông kia trả lời, vị bác sĩ vội vã nói trước khi bỏ đi : “**Nếu như còn có vấn đề gì, ông hãy nói chuyện với cô y tá của tôi nhé**”.

Cha của nam bệnh nhân liền nói với cô y tá : “**Ông bác sĩ này thật *ngạo mạn* ! Ngay cả việc *cho biết tình trạng của con tôi chỉ mất vài ba phút cũng không được sao* ?”.**

Bấy giờ cô nữ y tá nước mắt nhoà lệ liền nói với ông ta : “**Con trai của bác sĩ hôm qua *mới bị chết vì tai nạn giao thông*, lúc chúng tôi gọi điện mời bác sĩ đến đây gấp để mổ cho con trai ông, là bác sĩ đang trên đường *đến nhà tang lễ để làm thủ tục nhận xác con*. Bây giờ sau khi**

đã cứu sống con trai của ông, bác sĩ phải vội trở về nhà tang lễ để **hoàn tất thủ tục an táng cho con trai mình** đó...”.

3. SUY NIỆM :

Cuộc sống của người khác và họ đang trải qua khó khăn nào ? thì nếu chỉ đứng trong hoàn cảnh của mình, chúng ta sẽ không thể hiểu hết được. Những điều chúng ta nhìn thấy chỉ là bề ngoài, là phần nổi nhỏ của khối băng chìm to lớn mà thôi... Chỉ những ai từng bị đau răng mới hiểu được nỗi đau của người bị đau nhức răng....

4. SINH HOẠT : Bạn nhận xét thế nào về **y đức** của **viên bác sĩ phẫu thuật** trong câu chuyện trên ?

5. LỜI CẦU :

Lạy Chúa Giê-su. Xin cho chúng con **tránh phê phán người khác khi chưa hiểu được hoàn cảnh họ đang gặp phải**. Nhờ đó chúng con sẽ nên người trưởng thành về nhân cách, biết cảm thông với tha nhân trong các giao tiếp xã hội.- AMEN.

LM ĐAN VINH – HHTM

VỀ MỤC LỤC

CHUYỆN VỀ CÁC THỪA SAI MEP CHA BÉLIARD DONATIEN – CỐ PHƯỚC (1913 – 1974)

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

Partez hérauts de la Bonne Nouvelle

Voici le jour appelé par vos vœux

Rien désormais n'enchaîne votre zèle

Partez – amis, que vous êtes heureux

Oh ! qu' ils sont beaux , vos pieds missionnaires

Nous les baisons avec un saint transport

Oh ! qu'ils son beaux sur ces lointaines terres

Où règne l'erreur et la mort

Ai đó đã tạm dịch như thế này:

Ra đi – hỡi những cánh chim loan báo Tin Mừng

Đây là ngày đã từng ước nguyện !

Từ nay không gì hãm lại được nhiệt huyết của bạn

Hãy ra đi – hỏi người bạn hạnh phúc

Ôi ! Đẹp thay đôi bàn chân thừa sai

Chúng tôi hân hoan hôn lên chúng

Ôi ! Những bàn chân đẹp khi bước đi trên miền đất xa xăm,

Nơi sai lầm và chết chóc vẫn ngự trị...

Cha BÉLIARD Donatien – Cố Phước (1913 – 1974)

Cậu Donatien Béliard sinh ngày 14 tháng tư năm 1913 tại Château – Thébaud, miền Loire-Atlantique... Gia đình cậu thuộc dạng thuần nông và vững mạnh đức tin Ki-tô giáo cũng như khá là nề nếp... Donatien vào Tiểu chủng Viện Guérande tháng 10 năm 1927... Sau ba năm theo học ở đó, chú tiếp tục chương trình trung học ở Château – sur – Sèvre... Và ngay sau đó, chú gia nhập Hội Thừa Sai – Paris... rồi chuyển đến học tại Bièvres ngày 12 tháng 10 năm 1932... Sau hai năm Triết và năm Thần một, Thầy phải đi quân dịch một năm ở St-Brieuc và ba năm ở Paris... Donatien là một sinh viên nghiêm túc, không xuất sắc lắm nhưng đã rất kỹ lưỡng trong những năm tháng chuẩn bị cho sứ vụ... Mọi anh em bằng hữu đều thấy nơi Thầy một người bạn đồng chí hướng tuyệt vời, luôn quan tâm để làm hài lòng cũng như phục vụ người khác...

Chúng ta cùng nhau đi qua những giai đoạn và sứ vụ Chúa trao cho Cha Donatien Béliard...

Giáo sư và Quản xứ ở Beaupréau

Ngày 29 tháng 6 năm 1939, Thầy Donatien được đặt tay lãnh nhận chức thánh Linh mục... và bài sai đi truyền giáo ở Qui-Nhon, miền Trung – Việt Nam... Thế nhưng lệnh tổng động viên cũng như chiến tranh đã giữ chân Cha ở lại Pháp... Và ngài trở thành giáo sư Tiểu chủng Viện Théophane Vénard ở Beaupréau một năm, sau đó ngài làm Quản xứ tại Giáo xứ St-Martin ở Beaupréau từ năm 1941 đến năm 1945... Sứ vụ đầu tiên này đã ghi lại nơi ngài dấu ấn tuyệt hảo, đây là sự dễ dàng để tiếp xúc với giới trẻ. Ngài cố gắng lưu giữ tình bạn sâu đậm với họ... để rồi duy trì những mối tương quan thân tình với anh em Linh mục các thế hệ sau này cũng như khá nhiều các gia đình ...

Sứ vụ tại các Giáo xứ ở Việt-nam

Lên đường qua Việt-nam trong tư cách là tuyên úy quân đội của Đoàn quân viễn chinh người Pháp tại Đông – dương... Và ngày 20 tháng giêng năm 1947, ngài rời quân ngũ – hết hạn quân dịch... Sau sáu tháng dành để học tiếng Việt tại Giáo xứ của Cha Garrigue gần Nha Trang, Cha Donatien khởi sự sứ vụ tại Giáo xứ Hộ-Diêm – một Giáo xứ quan trọng thời đó – dưới sự hướng dẫn của Cha Gautier – Báu, người bạn thân thiết của ngài... Năm 1954, ngài kế vị Cha Benoit bị đột tử... và trở thành Cha Quản xứ Giáo xứ Trà - Kiệu – một Giáo xứ miền Trung Việt – nam, nhưng vào thời ấy thì là Giáo xứ miền Nam của vùng Truyền Giáo... Năm 1957, Nha Trang được nâng lên hàng Giáo phận và các thừa sai qui tụ lại quanh Đức Cha Piquet, Cha Donatien quay trở lại Hộ -Diêm và ngay sau đó, ngài nhận sứ vụ tại Đồng-Dài nằm ở vùng thung lũng Nha-Trang... Trong nhiệm sở khá là cô tịch này, Cha Donatien đã dốc toàn lực để làm cho đời sống bà con giáo dân ngày càng thêm tốt lành cả về mặt Đạo lẫn Đời... Và trong suốt năm năm miệt mài, những cố gắng của ngài không phải là không có những thành quả... Bà con giáo cũng như lương đều rất trân trọng lòng bác ái cũng như sự đơn sơ trong cuộc sống của ngài... Nhờ vào

một khoản giúp đỡ từ Roma, ngài đã có thể xây dựng được một ngôi nhà thờ đẹp...và thật là may mắn, ngôi thánh đường ấy không bị ảnh hưởng nhiều lắm do chiến tranh...

Loan báo Tin Mừng cho anh chị em dân tộc thiểu số

Năm 1963, chính phủ Ngô Đình Diệm có chương trình Ấp Chiến Lược, và vì thế gần hai ngàn bà con dân tộc thiểu số được quy tụ về Bà-Râu trong vùng đồng bằng Phan-Rang...và Cha Donatien nhận bài sai đến với khối người cùng khổ này trong tư cách là mục tử của họ...Thế là cho đến cuối đời mình, Cha Donatien đã kinh qua trọn cuộc đời thừa sai giữa những con người cùng khổ luôn bị đe dọa bởi bệnh tật cũng như nghèo đói...Ngài phải làm quen với ngôn ngữ mới...Tất cả lần lượt hình thành : Nhà Nguyễn, Trường Học, Cộng Đoàn các Nữ Tu và Nhà Xứ...Với rất nhiều kiên trì và bền bỉ, tất cả rồi đâu vào đấy hết...Tuy vậy, những kết quả nhìn thấy vẫn còn có thể nói là chưa bao nhiêu: mới chỉ có một nhóm nhỏ những anh chị em dự tòng, thế nhưng tương lai con cháu của họ sau này mới là niềm hy vọng Cha Donatien nhắm tới...Ngài cũng thường xuyên thăm viếng và giúp đỡ nhiều ngôi làng bà con dân tộc thiểu số khác nữa...

Không nghĩ xem phải lo chuyện khai phá, mở mang trước hay dành ưu tiên cho việc loan báo Tin Mừng, Cha Donatien đã cùng lúc thực hiện cả hai mục tiêu đó với trái tim của một Tông Đồ...Chỉ trong tình thân thương và với những người anh em cận kề, ngài mới chia sẻ về công việc cũng như những dự án dành cho người nghèo và những khó khăn của mình...Ngài chia sẻ luôn luôn với một giọng điệu đơn thành và có chút tâm trạng đứng trước những việc phải làm...Ngài gắn bó với bà con “Rung-lao” của ngài...Một lòng đạo đức sâu đậm, tinh tế cùng với lòng trung thành kiên trì đứng trước những nhiệm vụ của một Linh mục đã hỗ trợ ngài rất nhiều trong sứ vụ của mình...

Tình trạng bệnh hoạn...

Thế rồi vào năm 1973, tình trạng thường xuyên mệt mỏi buộc ngài phải nghỉ ngơi cùng với vài ba tuần nằm viện cũng đã giữ chân ngài tại chỗ một thời gian ngắn...Tuy nhiên ngay từ đầu năm 1974, anh em Linh mục bầu bạn nhận thấy da mặt ngài có vẻ vàng đi...nên giục ngài vào Sài-gòn gấp...Ngài nhập viện ngày 14 tháng hai...Các bác sĩ quyết định phẫu thuật vào ngày 7 tháng ba...và xác minh chẩn đoán của họ về khối u ung thư tuyến tụy... đã ở giai đoạn di căn qua gan...Cha Donatien biết rất rõ về tình trạng nguy kịch của mình nên ngài xin được nhận bí tích xức dầu bệnh nhân và hằng ngày được rước Mình Thánh Chúa...Dần dần sức lực suy tàn, nhưng ngài không cảm thấy đau đớn bao nhiêu...Ở những ngày cuối đời, ngài không thể cử động được nữa, tuy nhiên đầu óc vẫn tỉnh táo và nụ cười không hề tắt trên môi...Ngài trút hơi thở sau cùng vào lúc 15 giờ ngày 22 tháng tư...18 giờ ngày 23 là nghi thức liệm xác...và quan tài được đưa xuống Nhà Nguyễn trong bệnh viện...21 anh em Linh mục thừa sai MEP đã đồng tế Thánh Lễ cầu hồn cho ngài...

Sáng hôm sau – 24 / 4 / 1974 – linh cửu của ngài được đưa về Hộ-Diệm / Phan- Rang – cách Sài-gòn 350 cây số...Và hôm sau – ngày 25 / 4 – Thánh Lễ An Táng được cử hành trọng thể với sự hiện diện của rất đông bà con giáo dân cũng như lương dân trong vùng, thẩm quyền sở tại và ba mươi lăm Linh mục trong Giáo Phận...Thánh Lễ xong, trên quãng đường dài khoảng sáu cây số, một đám đông đã tháp tùng linh cửu của ngài đến Bà –Râu. Nghi thức tiễn đưa được cử hành tại một khu đất khiêm tốn ở giữa thôn bản mà Cha Donatien đã tiêu hao trọn cuộc đời thừa sai của ngài để gầy dựng...Chắc chắn là bà con người dân tộc thiểu số ở đó luôn lưu giữ một sự tưởng nhớ đặc biệt tình nghĩa với ngài – con người đã hy sinh trọn cuộc đời mình cho công cuộc truyền giáo với niềm hy vọng một ngày nào đó bà con anh chị em dân tộc có thể sống trọn vẹn niềm tin của mình vào Đức Giê-su Ki-tô – Đấng cứu độ muôn người...Ngôi mộ khiêm tốn của ngài đã bị xuống cấp do thời gian chiến tranh kéo dài – cuộc chiến huynh đệ tị nghiệp

của một đất nước nhỏ bé, xinh đẹp...nhưng là nạn nhân của các siêu cường và lợi ích ngốc nghếch của họ...Năm 1992, Cha Giuse Nguyễn Thường – kế nhiệm Cha An-rê Nguyễn Lộc Huệ tại Giáo xứ Gò Đền kiêm vùng Bà-Râu - đã cho tu sửa lại...Cũng trong năm đó, khoảng 30 anh chị em trưởng thành người sắc tộc R'glai – những người con quý mến của Cha Donatien Béliard – đã lãnh nhận các Bí Tích Nhập Đạo...

Ngày mùng 4 – 8 – 2011 Thánh Lễ cung hiến Nhà Thờ Bà-Râu do ĐGM Giáo Phận chủ trì và Cha I-nha-xi-ô Trương Đình Phương là Quản xứ...Ngài được đặt là Quản xứ tiên khởi nhưng thực ra Giáo xứ Bà –Râu đã có từ thời Cha Donatien – Phước...Đúng như lời Cha I-nha-xi-ô tâm tình với với một bạn phóng viên nào đó : “ *Phaolô trồng – Appôlô tưới – nhưng Thiên Chúa cho mọc lên*” (1Cr 3,6)...Và cũng chính vị Quản xứ này đã chủ trương việc cải táng và di dời Cha Donatien Béliard về khuôn viên Nhà Thờ mới của Giáo xứ...cách khoảng đất cũ chừng nửa cây số...và ở vùng đất mua lại của bà con bên ngoài thôn bản...

Dưới đây là hình ảnh nơi an nghỉ mới của Cha Donatien Béliard – Cố Phước



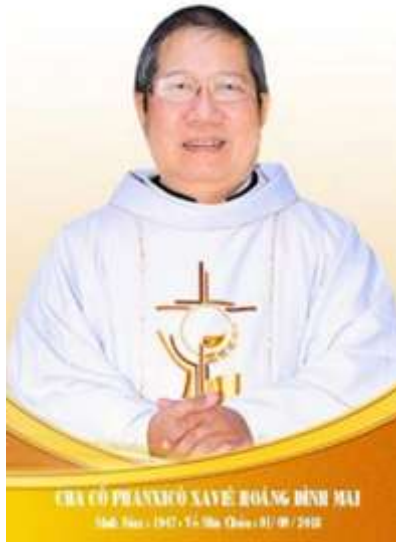
Chúng con cậy vì Danh Chúa nhân từ cho linh hồn Cha Donatien Béliard = Cố Phước được lên chốn nghỉ ngơi - hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng láng vui vẻ vô cùng . Amen

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp chuyển dịch

[VỀ MỤC LỤC](#)

NHỮNG KIỀU PHỤ NỮ

LỜI TẠM BIỆT:



**Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố
PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018**

Xin chân thành cảm ơn

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

NHỮNG KIỂU PHỤ NỮ

Chuyện phiếm của Gã Siêu

Truyện xưa kể lại rằng:

Vua Arthur, vị vua trẻ tuổi của nước Anh, bị quân Pháp phục kích và bắt giữ. Lẽ ra vua nước Pháp sẽ giết ngài, nhưng về trẻ trung dễ mến của Arthur đã làm cho vua Pháp cảm động. Ông ta hứa sẽ trả tự do cho Arthur nếu ngài giải được một câu đố cực khó. Thời hạn để Arthur đưa ra câu trả lời là một năm. Nếu sau một năm không tìm ra lời giải, Arthur sẽ phải chết. Câu đố ấy là: Phụ nữ thật sự muốn gì? Đối với Arthur, câu đố này quả là một thử thách quá lớn. Nhưng dù sao nó vẫn tốt hơn là cái chết. Arthur đành chấp nhận mạo hiểm.

Khi trở về Anh quốc, ngài hỏi tất cả mọi người từ các công chúa đến các cha xứ và đến cả các quan toà, nhưng không ai có thể đưa ra một câu trả lời hoàn hảo. Cuối cùng, mọi người khuyên nhà vua hãy đến hỏi bà phù thủy già, bởi vì chỉ mình bà ta mới giải được câu đố hóc búa đó. Những ngày cuối năm cũng đã tới gần. Arthur không còn cách nào khác là đến xin ý kiến của cụ phù thủy. Bà ta đồng ý sẽ đưa câu trả lời nhưng với một điều kiện. Đó là bà ta muốn lấy Garwain, chàng hiệp sĩ dũng cảm, bạn thân nhất của nhà vua. Arthur thất kinh. Bà ta vừa xấu, lại vừa bẩn. Ngài chưa từng bao giờ thấy một ai đáng tởm như bà ta. Không, ngài sẽ không để bạn thân của mình phải chịu thiệt thòi như vậy.

Khi biết chuyện, Garwain nói với Arthur rằng sự hy sinh của chàng làm sao có thể so sánh được với sự sống của nhà vua, sự tồn tại của vương quốc Anh. Và chàng hiệp sĩ quyết định hy sinh. Cuộc hôn nhân được chấp thuận và vua Arthur nhận được câu trả lời. Điều phụ nữ thật sự muốn đó là “Có toàn quyền quyết định mọi việc trong cuộc sống của mình”. Ngay lập tức ai cũng nhận ra rằng cụ ta vừa thốt lên một chân lý. Nhà vua của họ sẽ được cứu thoát. Quả thật vua nước nước Pháp rất hài lòng với lời giải đáp và cho Arthur khỏi cái án tử hình.

Lại nói về đám cưới của cụ phù thủy và chàng hiệp sĩ. Tưởng chừng như không gì có thể khiến Arthur hối hận và đau khổ hơn nữa. Tuy nhiên chàng hiệp sĩ của chúng ta vẫn cư xử hết sức chừng mực và lịch sự. Cụ phù thủy thì trái lại, trong tiệc cưới, cụ ta làm nháo nhào mọi thứ lên. Thỉnh thoảng cụ lại lấy cái tay bẩn thỉu của cụ nhón cái này một chút, bốc cái kia một tý. Thật chẳng ra làm sao cả. Mọi người thì hết sức khó chịu.

Đêm tân hôn, Garwain thu hết can đảm bước vào động phòng hoa chúc. Nhưng gì thế này? Trên giường không phải là cụ phù thủy già nua xấu xí mà là một cô gái vô cùng xinh đẹp đợi chàng tự bao giờ. Nhận thấy sự ngạc nhiên trên nét mặt chàng hiệp sĩ, cô gái từ tốn giải thích là vì chàng rất tốt với nàng lúc nàng là phù thủy, nên để ân thưởng, nàng sẽ trở thành một người xinh đẹp dễ mến đối với chàng vào nửa ngày. Vấn đề là chàng phải lựa chọn hình ảnh đẹp của nàng vào ban ngày hay ban đêm. Chao ôi sao mà khó thế? Garwain bắt đầu cân nhắc: Ban ngày nếu nàng là một cô gái xinh đẹp thì ta có thể tự hào cùng nàng đi khắp nơi, nhưng ban đêm làm sao mà ta chịu cho nổi? Hay là ngược lại nhỉ, ta đâu cần sỹ diện với bạn bè cơ chứ, cứ để nàng ta xấu xí trước mặt mọi người đi, còn khi màn đêm buông xuống, ta sẽ được tận hưởng những giây phút chồng vợ với thiên thần này. Garwain đã trả lời: “Nàng hãy tự quyết định lấy số phận của mình. Nàng muốn đẹp hay xấu vào lúc nào cũng được”. Tất nhiên câu trả lời này đã làm cho cụ phù thủy đội lốt cô nàng xinh đẹp kia hài lòng và nàng nói rằng nàng sẽ hóa thân thành một

cô nương xinh đẹp suốt đời. Đó là phần thưởng dành cho người biết tôn trọng ý kiến của phụ nữ.

Câu chuyện trên khiến gã nhớ tới một câu danh ngôn đại khái như thế này: Phụ nữ giống như bức tranh trù tượng mà mãi 300 năm về sau cũng chẳng có ai hiểu được. Hôm nay, gã xin dựa vào một bài trên trang mạng “Dân Trí”, để bàn về một vài kiểu phụ nữ...quái chiêu. Thực vậy, sống trên đời, anh đàn ông nào mà chẳng thích những phụ nữ đẹp đẽ, duyên dáng, dịu dàng và đảm đang, tuy nhiên đôi khi vẫn thấy xuất hiện những kiểu phụ nữ làm cho họ phải “chết khiếp”.

Thứ nhất là những phụ nữ thích tiền

Nói đến tiền, ai mà chẳng thích. Ngay cả một đứa nhỏ cũng thích và hình như càng già lại càng thích, bởi vì từ nhỏ cho tới lớn, từ già cho tới trẻ, ai cũng hiểu được “siêu giá trị” của đồng tiền: Có tiền mua tiên cũng được, có tiền là có tất cả. Thế nhưng, khuynh hướng thích tiền của một số chị vợ lại được biểu lộ bằng những độc chiêu, khiến cho đối phương, tức là những anh chồng, phải ngậm đắng nuốt cay.

Thực vậy, hầu như chị vợ nào cũng muốn quản lý chặt chẽ những đồng tiền còn của chồng. Các chị có một bộ nhớ trên cả tuyệt vời, bao nhiêu chi tiêu của anh chồng đều được lưu giữ, chẳng hề sai trật một đồng xu các bạc nào cả. Các chị còn là một thứ ngân hàng đặc biệt, chỉ biết đầu vào mà chẳng biết đầu ra. Thu vào thì vui vẻ, bao nhiêu cũng nhận. Còn phát ra thì bủn xỉn, xẻn so từng đồng, như tâm sự của một anh chồng sau đây:

Vào ngày tui mới lãnh lương,

Vợ tui bỗng chốc dễ thương vô cùng.

Về nhà, “bả” tới ôm “hun”,

Dường như lòng bả nhớ nhung quá trời,

Xong rồi bả mới mở lời :

Tiền lương cuối tháng em coi xem nào.

Dứt lời, túi trước túi sau,

Hai tay bả móc, tui đau...đón lòng.

Chỉ vài ba phút là xong,

Tiền trong tay bả, tui không còn gì.

Thế rồi bả cất bước đi,

Nét duyên khi nãy còn gì nữa đâu.

Tháng qua hai chín ngày sâu,

Ngày vui duy nhất, trôi mau quá trời.

(Trần Thành Nghĩa)

Trong khi đó, các chị lại mang “cái máu mua sắm” trong mình và người ta có thể coi việc thích mua sắm là bản tính “bẩm sinh” của một số phụ nữ. Các chị “ghiền” đi siêu thị và một khi đã bước chân vào, thì đổ mà dút cho ra. Các chị mãi mê ngắm nghía hết gian hàng này tới gian hàng nọ. Kinh nghiệm cho thấy mấy anh chồng thường nghĩ rằng đồng tiền kiếm được là do lao động vất vả, nên phải chi tiêu sao cho hợp lý và chỉ mua những thứ cần thiết, còn các chị vợ thì khác, các chị mua sắm những thứ mình thích. Thậm chí có những thứ mua về rồi để một chỗ chẳng khi nào dùng tới. Thành thử người đời vốn thường bảo: Người đàn ông thành công là người phải kiếm được nhiều hơn số tiền vợ anh ta chi tiêu.

Thứ hai là những phụ nữ thích...so

So ở đây có nghĩa là so sánh. Hội chứng so sánh này còn được gọi là hội chứng đứng núi này trông núi nọ, được voi đòi tiên, chẳng bao giờ biết bằng lòng với số phận của mình:

- Chồng người ta thì...thế nọ thế kia, còn anh thì cứ...thế này, thế này. Vậy nghĩa là làm sao?

Cái điệp khúc trên được rĩ rả suốt cả ngày và được rừ rì suốt cả đêm, đến độ quỷ thần cũng không chịu nổi, hướng lộ là anh chồng. Ấy là chưa nói tới cái danh dự, cái tự ái to bằng cái rế của anh chồng bị xúc phạm nặng nề, vì dù sao mình cũng là thằng đờn ông kia mà. Thực vậy, sau một ngày đi làm mệt mỏi, trở về nhà chỉ toàn nghe thấy vợ mình khen chồng người khác giỏi giang, mua nhà lầu, sắm xe hơi, vợ người ta ăn sung mặc sướng, cuộc sống nhàn hạ... Chắc hẳn anh chồng nào cũng cảm thấy chối tai. Còn đâu cái cảnh:

Chồng ta áo rách ta thương,

Chồng người áo gấm xông hương mặc người.

Thứ ba là những phụ nữ thích gây

Gây ở đây có nghĩa là gây sự. Các chị vợ thuộc loại này rất hiếu chiến, hễ gặp chuyện không vừa ý là nổi cơn tam bành, không còn biết cảm thông, chia sẻ là gì nữa. Các chị quên mất rằng hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu. Các chị không còn nhớ rằng sự dịu dàng đằm thắm của phụ nữ chính là thứ vũ khí mạnh nhất chinh phục cánh mày râu.

Nếu tại các khu rừng rậm thuộc châu Á, cọp là vua của loài thú, thì ở châu Âu, sư tử là chúa sơn lâm. Khi nghe sư tử rống lên, các loài thú khác đều hoảng sợ, cụp đuôi chạy trốn mất.

Trần Quý Thường là bạn của thi hào Tô Đông Pha. Ông ta có một người vợ nổi tiếng là hay ghen và hung dữ. Mỗi lần Tô Đông Pha đến chơi, đều nghe tiếng bà ta la hét ầm ĩ. Thấy vậy, họ Tô mới làm một bài thơ cảm cảnh mà chế diễu ông bạn có người vợ hung dữ như sau :

Thùy tự Long Khâu cư sĩ hiền,

Đàm không thuyết pháp dạ bất miên.

Hốt văn Hà Đông sư tử hồng,

Trụ tượng lạc thủ tâm mang mang.

Có nghĩa là :

Ai hiền hơn cư sĩ Long Khâu,

Đọc kinh giảng đạo suốt canh thâu.

Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống,

Tay run gậy rớt lòng hoang mang.

Những chị vợ hung dữ như sư tử Hà Đông bên Tàu, thì quả là hiếm hoi, nhưng không phải là không có. Bởi vì trên đời này, đôi khi cũng vẫn xảy ra cảnh “gà mái đá gà cồ”. Chẳng tin thì xin nghe thử tâm sự của “Người mặt sẹo” như sau :

Nắng Sài Gòn anh đi mà lạnh ngắt,

Bởi vì em sinh quán ở Hà Đông.

Bao lần anh khiếp hãi sợ vô cùng,

Và trên mặt vẫn còn lằn vết sẹo.

Anh vẫn nhớ em ngồi đâu quát đày,

Cầm khúc cây dài lăm chỉ đe anh.

Anh kinh hồn vội vã né lung tung,

Chờ sơ hở phóng ra rồi dông tuốt...

Thứ tư là những phụ nữ thích nói

Người ta thường bảo: Nơi nào có hai hoặc ba người phụ nữ họp lại với nhau, nơi đó sẽ biến thành một cái chợ. Nếu hai hoặc ba chị phụ nữ ngồi lại với nhau là có tiếng xì xèo to nhỏ, cũng giống như hai hoặc ba anh đàn ông tụ lại với nhau là có tiếng bát đĩa, ly tách khu vang. Khi gặp mặt nhau, các chị nói đủ thứ chuyện, từ chuyện trên trời đến chuyện dưới đất, từ chuyện trong nhà đến chuyện ngoài ngõ, đặc biệt là những chuyện thầm kín, riêng tư.

Không phải các chị chỉ “rậm lời” với nhau, mà còn “dài lời” với chồng con trong nhà. Về nghệ thuật “nói dài, nói dẻo, nói dai, nói day, nói dứt”, thì các chị ăn đứt, khiến mấy anh chồng chỉ có nước ngồi bó tay, chịu trận mà thôi.

Trước hết, phần lớn các chị vợ đều mắc phải chứng bệnh than, nào là thời buổi gạo châu củi quế, nào là vật giá leo thang, nào là gạo đường tăng lên vùn vụt:

Anh ạ, bình ga đã hết rồi,

Cộng dồn hai cái trả gấp đôi.

Đây nữa, nhà đèn đưa giấy báo,

Hẹn ổng cuối tuần phải đóng thôi.

Còn cái “a lô” nữa anh à,

Chuyện này không hoãn được đâu nha,

“Àu ơ ví dậm là ổng...cắt,

Hóa đơn em nhận mới chiều qua.

Tiếp đến, các chị không ngần ngại nói tới nói lui, nhắc đi nhắc lại những sai lỗi của chồng, nhất là những lem nhem, những phản bội trong lãnh vực tình cảm. Đây chỉ là chuyện rất bình thường, không có chi là khó hiểu. Thực vậy, các chị vợ sống bằng trái tim. Đối với các chị, tình yêu là tất cả và chi phối mọi sinh hoạt. Vì thế, những lỗi phạm tới tình yêu sẽ trở thành như một vết chém, không bao giờ nguôi ngoai trong cõi lòng họ. Tình yêu của họ giống như bát nước đầy, một khi đã bị hắt xuống đất, thì không thể nào hốt lên được. Vì thế, anh chồng nào đã bị lưu vào hồ sơ tội trạng, thì chẳng thể nào bôi xóa cho hết được.

Mấy anh đàn ông rất sợ phải chung sống với kiểu người nói dài, nói dai. Suốt ngày bị lải nhải bên tai là một cực hình đối với họ. Họ không hiểu sao các chị vợ lại có thể nhắc đi nhắc lại mãi một vấn đề mà không biết chán. Họ chỉ biết lắc đầu lè lưỡi và tìm cách tẩu thoát cho nhanh khi “cái đài” được bật lên.

Trên đây, chỉ là một vài kiểu diễn hình “tiên tiến” mà thôi. Chắc hẳn trong đời thường còn lắm mẫu gương tuyệt vời hơn thế nữa. Tuy nhiên, chỉ nguyên suy gẫm những kiểu trên mà thôi, một ông bố đã đưa ra những lời khuyên cho cậu con trai của mình như sau:

- 1- Kẻ thù lớn nhất của con là vợ con.
- 2- Ngu dốt lớn nhất của đời con là không hiểu được nó.
- 3- Thất bại lớn nhất của đời con là không bỏ được nó.
- 4- Bị ai lớn nhất của đời con là phải sống với nó.
- 5- Sai lầm lớn nhất của đời con là quyết định lấy nó.
- 6- Tội lỗi lớn nhất của đời con là nghe lời nó.
- 7- Đáng thương lớn nhất của đời con là bị nó sai khiến.
- 8- Đáng khâm phục lớn nhất của đời con là con vẫn chịu được nó.
- 9- Tài sản lớn nhất của đời con là những thứ nó đang giữ.
- 10- Khiếm khuyết lớn nhất của đời con là con không lấy được hai vợ.

Tới đây, gã xin kể lại một truyện cổ tích Ấn Độ như sau:

Thượng Đế tạo ra đàn ông trước, sau thấy đàn ông rầu rĩ, cô đơn quá, Ngài bèn lấy vẻ đẹp của Hoa, tiếng hát của Chim, màu sắc của Cầu Vồng, cái độc ác của Chó Sói, cái hợm hĩnh của Con Công, cái lạnh lùng của Băng Tuyết, sự bất thường của Nắng Mưa, sự mềm mại của Gió, sự nhút nhát của Thỏ Rừng, đường cong của Vàng Trắng, lời lỏm của Đồi Núi.... để tạo thành đàn bà.

Thượng Đế cho đàn ông tặng vật tuyệt vời này làm vợ. Người đàn ông mừng quá, dắt người đàn bà đi, quên cả cảm ơn. Nhưng chỉ ít lâu sau, chịu không thấu, gã bèn đem trả lại cho Thượng Đế.

Một thời gian ngắn, buồn héo hắt vì cô đơn, gã lại đến xin người đàn bà. Tiếp tục như thế mấy lần, xin trả rồi trả xin, Thượng Đế nổi giận và mắng: “Đây là lần cuối ta cho người, từ nay

sương khổ rắng mà chịu lấy, đừng quấy rầy ta nữa vì ta còn bận trăm công ngàn việc với cái trần gian đa sự này. Biết chưa?”

Thôi thì xin ghi nhớ câu danh ngôn sau đây như một kết luận: Để có được hạnh phúc với một người đàn ông, bạn cần phải hiểu anh ta nhiều và yêu ít thôi. Còn để có được hạnh phúc với một người phụ nữ, bạn cần phải yêu nhiều và đừng cố hiểu cô ta.

Chuyện phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.

TGP Baltimore USA